|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT TRẦN CAO VÂN**  **TỔ:** NGỮ VĂN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC VÀ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(Năm học 2021 - 2022)

**I. KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN:**

**MÔN NGỮ VĂN , KHỐI LỚP 10,11,12**

**1. Đặc điểm tình hình**

**1.1. Số lớp:** 30**; Số học sinh:** 1.192 **; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn**:không

**1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:**08; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 0; Đại học:06; Trên đại học: 02.

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên:** Tốt: 08; Khá:0; Đạt:0; Chưa đạt:0

**1.3. Thiết bị dạy học:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | Bảng phụ | 8 chiếc/1 lớp |  | Chưa có, đề nghị nhà trường đầu tư kịp thời |
| 2 | Ti vi | 1 chiếc/ 1 phòng |  | Đã có, sử dụng tốt |
| 3 | Máy tính xách tay | 1 chiếc/1 tổ |  | Đã có, vẫn còn sử dụng đảm bảo |

**1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Nhà đa năng | 1 | Hoạt động ngoại khóa  Học sinh toàn trường | Đã có |
| 2 | Thư viện | 1 | Học sinh toàn trường | Đã có thư viện nhưng số lượng đầu sách còn nghèo, chưa thu hút đông đảo học sinh đến mượn đọc |

**2. Kế hoạch dạy học**

**2.1. Phân phối chương trình**

**HỌC KỲ 1- KHỐI 12 (18 tuần x 3 tiết = 54 tiết)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Bài học/Chủ đề** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **1** | Khái quát VHVN từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỷ XX | **1-2-3** | **1/ Kiến thức:**  - Tóm tắt những đặc điểm cơ bản, những thành tựu lớn của văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX.  - Trình bày được 3 đặc điểm nổi bật của VH 1945 – 1975. Những điểm đổi mới của VHVN sau 1975.  **2/ Phẩm chất:** Cảm nhận được ý nghĩa của văn học đối với đời sống.  **3/ Năng lực:**  Năng lực thu thập thông tin liên quan đến giai đoạn văn học từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX..  - Năng lực đọc – hiểu các tác tác phẩm văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX.  - Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, năng lực sáng tạo |
| **2** | Nghị luận về một tư tưởng đạo lí | **4-5** | **/ Kiến thức:**  - Viết được đoạn văn và bài văn nghị luận hoàn chỉnh.  - Vận dụng được các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận trong quá trình tạo lập văn bản.  **2/ Phẩm chất:** Từ nhận thức về những vấn đề về tư tưởng đạo lí, biết sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng,…  **3/ Năng lực:**  - Các năng lực chung như: thu thập kiến thức xã hội có liên quan; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo; năng lực sử dụng, giao tiếp bằng tiếng Việt;  - Năng lực tạo lập văn bản nghị luận |
| **Kiểm tra thường xuyên lần 1** | **6** | **1/ Kiến thức:** Biết vận dụng kết hợp kiến thức về 3 phân môn: Văn học, Tiếng Việt và Làm văn khi đọc hiểu ngữ liệu mở  **2/ Phẩm chất:** Trung thực, nghiêm túc trong làm bài  **3/ Năng lực:** Năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản nghị luận xã hội. |
| **3** | Tuyên ngôn Độc lập  (Hồ Chí Minh) | **7-8-9** | **1/ Kiến thức:**  -Nắm được những nét khái quát nhất về tiểu sử và sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh  -Thấy được giá trị nhiều mặt và ý nghĩa to lớn của “Tuyên ngôn độc lập” cũng như vẻ đẹp của tư tưởng và tâm hồn tác giả Hồ Chí Minh  **2/ Phẩm chất:** nhân ái, yêu nước, trách nhiệm …  -Bồi dưỡng lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, kính yêu lãnh tụ,…  **3/ Năng lực:**  -Nghiên cứu, tìm hiểu sáng tác của Hồ Chí Minh  - Giải quyết vấn đề, tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hệ thống kiến thức…  - Vận dụng kiến thức về quan điểm sáng tác và phong cách nghệ thuật của Hồ Chí Minh để phân tích thơ văn của người. |
| **4** | Tây Tiến  (Quang Dũng) | **10-11-12** | **1/ Kiến thức:**  - Bức tranh thiên nhiên hùng vĩ, dữ dội nhưng mĩ lệ, trữ tình và hình ảnh người lính Tây Tiến với vẻ đẹp hào hùng, hào hoa.  - Bút pháp lãng mạn đặc sắc, ngôn từ giàu tính tạo hình  **2/ Phẩm chất:**  -Tích cực, chủ động trong học tập, thái độ trung thực trong học tập,…  - Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, đất nước  - Biết yêu mến, trân trọng sự hi sinh thầm lặng, cao cả của các chiến sĩ; có ý thức tự hào, giữ gìn, bảo vệ và phát triển đất nước; bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam.  **3/ Năng lực:**  - Năng lực đọc hiểu thơ trữ tình Việt Nam theo đặc trưng thể loại  - Biết vận dụng những tri thức và kĩ năng đã học vào làm văn nghị luận: Phân tích một đoạn thơ, bài thơ.  - Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận về nội dung và nghệ thuật của văn bản |
| **5** | Việt Bắc  (Tố Hữu) | **13- 14-15** | **1/ Kiến thức:**  - Nắm được những nét chính về con người và cuộc đời Tố Hữu.  - Nắm được những nét chính về sự nghiệp văn học của Tố Hữu.  - Khúc hồi tưởng ân tình về Việt Bắc trong những năm cách mạng và kháng chiến gian khổ; bản anh hùng ca về cuộc kháng chiến; bản tình ca về nghĩa tình cách mạng và kháng chiến.  - Tính dân tộc đậm nét: thể thơ lục bát; kiểu kết cấu đối đáp; ngôn ngữ, hình ảnh đậm sắc thái dân gian, dân tộc.  **2/ Phẩm chất:** Tự hào về các nhà thơ-chiến sĩ của Việt Nam  -Tích cực, chủ động trong học tập, thái độ trung thực trong học tập,…  -Bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc, tình yêu quê hương đất nước và lối sống ân tình  - Quan tâm và có trách nhiệm với cộng đồng, đất nước  **3/ Năng lực:**  - Năng lực đọc hiểu thơ trữ tình Việt Nam theo đặc trưng thể loại  - Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử được thể hiện trong văn bản.  – Biết vận dụng những tri thức và kĩ năng đã học vào làm văn nghị luận: Phân tích một đoạn thơ, bài thơ.  - Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận  - Học sinh nêu được ý nghĩa/tác động của tác phẩm đối suy nghĩ, tình cảm; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá về tác phẩm. |
| **6** | Đất Nước (Trích Trường ca Mặt đường khát vọng)  - Nguyễn Khoa Điềm | **16-17-18** | **1/ Kiến thức:**  - Cái nhìn mới mẻ, sâu sắc về đất nước: đất nước là của nhân dân, do nhân dân sáng tạo, giữ gìn.  -Chất chính luận hòa quyện cùng chất trữ tình và khả năng vận dụng một cách sang tạo nguồn chất liệu văn hóa, văn học dân gian.  **2/ Phẩm chất:**  **-T**ích cực, chủ động trong học tập, thái độ trung thực trong học tập,…  -Bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc  **3/ Năng lực:**  - Năng lực đọc hiểu thơ trữ tình Việt Nam theo đặc trưng thể loại  – Biết vận dụng những tri thức và kĩ năng đã học vào làm văn nghị luận: Phân tích một đoạn thơ, bài thơ.  - Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận về nội dung và nghệ thuật của văn bản |
| **7** | Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ. | **19-20** | **1/ Kiến thức:**  -Mục đích, yêu cầu của bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ  -Viết được một văn bản nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ  **2/ Phẩm chất:** tích cực, chủ động trong học tập, thái độ trung thực trong học tập,…  **3/ Năng lực:**  - Các năng lực chung như: thu thập kiến thức xã hội có liên quan; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo; năng lực sử dụng, giao tiếp bằng tiếng Việt;  - Năng lực tạo lập văn bản nghị luận |
| **Kiểm tra thường xuyên lần 2** | **21** | **1/ Kiến thức:** Biết vận dụng kết hợp kiến thức về 3 phân môn: Văn học, Tiếng Việt và Làm văn trong chương trình Ngữ văn lớp 12 học kì I  **2/ Phẩm chất:** Trung thực, nghiêm túc trong làm bài  **3/ Năng lực:** Năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản nghị luận văn học. |
| **8-9** | Luật thơ | **22** | **1/ Kiến thức:**  - Có những hiểu biết về các thể thơ và luật thơ  **2/ Phẩm chất:** tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập  **3/ Năng lực:**  - Các năng lực chung như: thu thập kiến thức xã hội có liên quan; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo; năng lực sử dụng, giao tiếp bằng tiếng Việt;  - Năng lực tạo lập văn bản thơ |
| Nghị luận về một hiện tượng đời sống | **23** | **1/ Kiến thức:**  -Nội dung, yêu cầu của dạng bài nghị luận về một hiện tượng đời sống  -Cách thức triển khai bài nghị luận về một hiện tượng đời sống  **2/ Phẩm chất: :** Từ nhận thức về những vấn đề về hiện tượng đời sống, có ý thức phát huy những hiện tượng tốt và phê phán những hiện tượng xấu..  **3/ Năng lực:**  - Các năng lực chung như: thu thập kiến thức xã hội có liên quan; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo; năng lực sử dụng, giao tiếp bằng tiếng Việt; |
| Sóng (Xuân Quỳnh) | **24-25-26** | **1/ Kiến thức:**  -Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu qua hình tượng “sóng”  -Đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng hình tượng ẩn dụ, giọng thơ tha thiết, sôi nổi, nồng nàn, nhiều suy tư, trăn trở  **2/ Phẩm chất:**  **-**Tích cực, chủ động trong học tập, thái độ trung thực trong học tập,…  - Góp phần giúp học sinh có nhận thức đúng đắn về một tình yêu chân thành, về khát vọng hạnh phúc chân chính; bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam.  **3/ Năng lực:**  -Giải quyết vấn đề, tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hệ thống kiến thức…  - Năng lực đọc hiểu thơ trữ tình Việt nam theo đặc trưng thể loại.  - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, |
| Đất nước, Dọn về làng, Tiếng hát con tàu, Đò Lèn | **0** | Năng lực tự học |
| Ôn tập kiểm tra giữa học kì I | **27** | 1. Kiến thức :  -Biết vận dụng kiến thức Tiếng Việt để làm đọc hiểu  -Biết vận dụng kiến thức Làm văn để viết bài nghị luận văn học hoàn chỉnh  2/ Phẩm chất: tích cực, chủ động trong học tập, có ý chí vượt khó,...  3/ Năng lực: hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hệ thống kiến thức… |
| **10** | Kiểm tra giữa HK I | **28-29** | **1/ Kiến thức:** Biết vận dụng kết hợp kiến thức về 3 phân môn: Văn học, Tiếng Việt và Làm văn ở chương trình Ngữ văn lớp 12 học kì I  **2/ Phẩm chất:** Trung thực, nghiêm túc trong làm bài  **3/ Năng lực:** Năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản nghị luận văn học |
| Phong cách ngôn ngữ khoa học | **30** | **1/ Kiến thức:**  **-** Khái niệm ngôn ngữ khoa học  - Nhận biết 3 loại VBKH.  - 3 đặc trưng của VBKH.  **2/ Phẩm chất:** tích cực, chủ động trong học tập, thái độ trung thực trong học tập,…  **3/ Năng lực:** giải quyết vấn đề, tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hệ thống kiến thức…  - Viết được đoạn văn, văn bản hoàn chỉnh theo yêu cầu.  - Sử dụng ngôn ngữ KH để giao tiếp và tạo lập VB.  - Kĩ năng lĩnh hội và phân tích những văn bản khoa học phù hợp. |
| Đàn ghi ta của Lor – ca  (Thanh Thảo) | **0** | Năng lực tự học |
| **11-12-13** | CHỦ ĐỀ TÍCH HỢP:  1. Người lái đò sông Đà (Nguyễn Tuân)  2.Ai đã đặt tên cho dòng sông? (Hoàng Phủ Ngọc Tường)  3.Luyện tập vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt  4.Luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận | **31**  **32**  **33**  **34**  **35**  **36**  **37**  **38**  **39** | **1/ Kiến thức:**  - Nhận biết được đặc trưng của kí hiện đại như: yếu tố tự sự, nhân vật, ngôn ngữ, điểm nhìn trần thuật, cái tôi trữ tình của tác giả ...  - Nhận biết và đánh giá được tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.  - Rút ra được những nét độc đáo trong phong cách nghệ thuật của hai tác giả.  - Phân tích được ý nghĩa, tác động của văn bản kí trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn đối với con người lao động, thiên nhiên đất nước.  - So sánh được hai văn bản văn học viết cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn văn bản được đọc  **-** Vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt và các thao tác lập luận để viết bài văn NLVH về một đoạn trích, một tác phẩm kí |
| **14** | Trả bài kiểm tra giữa học kì I | **40** | 1/ Kiến thức: Hệ thống hoá được những kiến thức và kỹ năng viết văn nghị luận  2/ Phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm  3/ Năng lực:  Tự đánh giá những ưu điểm và nhược điểm trong bài làm, đồng thời có được những định hướng cần thiết để làm tốt hơn những bài viết sau. |
| Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt  *Cả 2 bài tích hợp thành 1 bài, tập trung vào phần I*  *( bài đầu) và phần II ( bài tiếp theo)* | **41** | **1/ Kiến thức:**  -Nắm được những biểu hiện chủ yếu của sự trong sáng của tiếng Việt và trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt  **2/ Phẩm chất:**  **-T**ích cực, chủ động trong học tập, thái độ trung thực trong học tập,…  -Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt  **3/ Năng lực:** giải quyết vấn đề, tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hệ thống kiến thức… |
| Thực hành một số phép tu từ ngữ âm | **0** | **KK học sinh tự đọc** |
| Thực hành một số phép tu từ cú pháp | **0** | **KK học sinh tự đọc** |
| **Kiểm tra thường xuyên lần 3** | **42** | **1/ Kiến thức:** Biết vận dụng kết hợp kiến thức về 3 phân môn: Văn học, Tiếng Việt và Làm văn trong chương trình Ngữ văn lớp 12 học kì I  **2/ Phẩm chất:** Trung thực, nghiêm túc trong làm bài  **3/ Năng lực:** Năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản nghị luận văn học. |
| Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học |  | **KK học sinh tự đọc** |
| **15** | Phát biểu theo chủ đề | **43** | **1/ Kiến thức:**  -HS biết phát biểu theo chủ đề  **2/ Phẩm chất:**  - Nắm được các bước chuẩn bị phát biểu: nội dung cần phát biểu, đề cương phát biểu.  - Xây dựng đề cương chi tiết cho chủ đề phát biểu.  **-** Biết cách trình bày suy nghĩ của bản thân về một vấn đề xã hội.  **3/ Năng lực:** có khả năng thích ứng và nhạy bén giải quyết các tình huống thực tế; góp phần hình thành năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự chủ… |
| Chữa lỗi lập luận trong văn nghị luận | **44** | **1/ Kiến thức:**  - Nhận ra lỗi trong quá trình lập luận trong văn nghị luận  - Hiểu nguyên nhân của lỗi lập luận  - Vận dụng hiểu biết về lỗi lập luận để sửa câu sai  **2/ Phẩm chất:**  - Tích cực, chủ động trong học tập, thái độ trung thực trong học tập,…  - Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.  - Chăm chỉ, trách nhiệm  **3/ Năng lực:**  -Giải quyết vấn đề, tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hệ thống kiến thức…  -Rèn kỹ năng sử dụng ngôn ngữ khi viết văn nghị luận |
| Thực hành chữa lỗi lập luận trong văn nghị luận. | **45** | **1/ Kiến thức:**  - Nhận ra lỗi trong quá trình lập luận trong văn nghị luận  - Hiểu nguyên nhân của lỗi lập luận  - Vận dụng hiểu biết về lỗi lập luận để sửa câu sai  **2/ Phẩm chất:**  - Tích cực, chủ động trong học tập, thái độ trung thực trong học tập,…  - Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.  - Chăm chỉ, trách nhiệm  **3/ Năng lực:**  -Giải quyết vấn đề, tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hệ thống kiến thức…  -Rèn kỹ năng sử dụng ngôn ngữ khi viết văn nghị luận |
| **16** | **Kiểm tra thường xuyên lần 4** | **46** | **1/ Kiến thức:** Biết vận dụng kết hợp kiến thức về 3 phân môn: Văn học, Tiếng Việt và Làm văn khi đọc hiểu ngữ liệu mở  **2/ Phẩm chất:** Trung thực, nghiêm túc trong làm bài  **3/ Năng lực:** Năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản nghị luận văn học. |
| Quá trình văn học và phong cách văn học | **0** | **KK học sinh tự đọc** |
| Bác ơi, Tự do, Những ngày đầu của nước Việt Nam mới. | **0** | Năng lực tự học |
| Ôn tập phần Đọc hiểu | **47-48** | **1/ Kiến thức:** Hệ thống hóa kiến thức theo nội dung của các dạng đề đọc hiểu  **2/ Phẩm chất :** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm  **3/ Năng lực**  - Năng lực thu thập thông tin liên quan đến phần đọc hiểu  - Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập  - Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các dạng đề đọc hiểu  - Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày bài làm khoa học… |
| **17** | Ôn tập phần Văn học | **49-50** | **1/ Kiến thức:** Hệ thống hóa kiến thức các bài đã học  **2/ Phẩm chất**  Trung thực, tự hào về những đóng góp của văn học hiện đại Việt Nam  **3/ Năng lực**  - Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản  - Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập  - Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản  - Năng lực đọc - hiểu các tác giả văn học  - Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tác giả , tác phẩm văn học hiện đại sau 1945 |
| Ôn tập phần Làm Văn | **51** | **1/ Kiến thức:** Hệ thống hóa kiến thức các bài làm văn đã học  **2/ Phẩm chất** : chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm  **3/ Năng lực**  - Năng lực thu thập thông tin liên quan đến làm văn  - Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập  - Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các dạng đề làm văn nghị luận  - Năng lực đọc - hiểu các tác giả văn học  - Năng lực sử dụng ngôn ngữ, nang lực viết, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tác giả, tác phẩm văn học hiện đại |
| **18** | Kiểm tra cuối kỳ I | **52-53** | **1/ Kiến thức:** Biết vận dụng kiến thức về 3 phân môn: Văn học, Tiếng Việt và Làm văn ở chương trình Ngữ văn lớp 12 học kì I  **2/ Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, nghiêm túc trong làm bài  **3/ Năng lực:**  Năng lực đọc-hiểu và tạo lập văn bản nghị luận văn học. |
| Trả bài Kiểm tra cuối kỳ I | **54** | Nhận rõ những ưu, khuyết điểm của bài làm; biết đối chiếu với yêu cầu của đề văn;; từ đó củng cố thêm các kiến thức và kĩ năng làm văn nghị luận, nhất là nghị luận văn học.  - Tiếp tục rèn kĩ năng phân tích đề, lập dàn ý; thao tác lập luận phân tích trong bài nghị luận văn học.  - Biết rút kinh nghiệm về phân tích đề, lập dàn ý, thao tác phân tích trong văn nghị luận |

**HỌC KỲ 2- KHỐI 12 (17 tuần x 3 tiết = 51 tiết)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Bài học/Chủ đề** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **19-20-21** | Vợ chồng A Phủ (Tô Hoài) | **55-56-57-58** | 1.Kiến thức  -Nỗi thống khổ của người dân miền núi Tây Bắc dưới ách thống trị của bọn chúa đất phong kiến, thực dân. Vẻ đẹp tâm hồn, sức sống tiềm tàng mãnh liệt của đồng bào vùng cao..  -Nghệ thuật xây dựng nhân vật sinh động, chân thực; miêu tả và phân tích tâm lí nhân vật sắc sảo, tinh tế; lối kể chuyện hấp dẫn, ngôn ngữ mang phong vị và màu sắc dân tộc, giàu tính tạo hình và đầy chất thơ…  2/ Phẩm chất:tự chủ bản thân, trách nhiệm với nền văn học của quê hương; biết cảm thông, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, tình yêu thương đối với những người xung quanh cũng như đối với các nhân vật trong tác phẩm.  3/ Năng lực: giải quyết vấn đề và sáng tạo ; sử dụng CNTT, năng lực đọc hiểu, cảm thụ, sử dụng ngôn ngữ... |
| Vợ nhặt (Kim Lân) | **59-60-61-62** | 1.Kiến thức  - Tình cảnh sống thê thảm của người nông dân trong nạn đói 1945 và niềm khao khát hạnh phúc gia đình, niềm tin vào cuộc sống, tình yêu thương đùm bọc giữa những con người nghèo khổ ngay trên bờ vực của cái chết.  - Xây dựng truyện độc đáo, nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, nghệ thuạt miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc.  2/Phẩm chất: biết nhường nhịn, vị tha; biết xúc động trước những con người và việc làm tốt, giữ được mối quan hệ hài hoà với người khác; biết cảm  thông, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, tình yêu thương đối với những người xung quanh cũng như đối với các nhân vật trong tác phẩm; tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh và văn hoá, biết tha thứ, độ lượng với người khác.  3/ Năng lực: giải quyết vấn đề và sáng tạo ; sử dụng CNTT, năng lực đọc hiểu, cảm thụ, sử dụng ngôn ngữ |
| **Kiểm tra thường xuyên lần 1** | **63** | **1/ Kiến thức:** Biết vận dụng kết hợp kiến thức về 3 phân môn: Văn học, Tiếng Việt và Làm văn khi đọc hiểu ngữ liệu mở  **2/ Phẩm chất:** Trung thực, nghiêm túc trong làm bài  **3/ Năng lực:** Năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản nghị luận xã hội |
| **22-23** | **Bài dạy theo chủ đề: VĂN XUÔI YÊU NƯỚC THỜI KÌ CHỐNG MỸ**  1) Rừng xà nu  (Nguyễn Trung Thành)  2) Những đứa con trong gia đình (Nguyễn Thi)  3) Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi | **64**  **65**  **66**  **67**  **68**  **69** | 1.Kiến thức  - Tình cảnh sống thê thảm của người nông dân trong nạn đói 1945 và niềm khao khát hạnh phúc gia đình, niềm tin vào cuộc sống, tình yêu thương đùm bọc giữa những con người nghèo khổ ngay trên bờ vực của cái chết.  - Xây dựng truyện độc đáo, nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, nghệ thuạt miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc.  2/Phẩm chất: biết nhường nhịn, vị tha; biết xúc động trước những con người và việc làm tốt, giữ được mối quan hệ hài hoà với người khác; biết cảm  thông, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, tình yêu thương đối với những người xung quanh cũng như đối với các nhân vật trong tác phẩm; tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh và văn hoá, biết tha thứ, độ lượng với người khác.  3/ Năng lực: giải quyết vấn đề và sáng tạo ; sử dụng CNTT, năng lực đọc hiểu, cảm thụ, sử dụng ngôn ngữ |
|  | **Văn học địa phương:**  Những nhân vật anh hùng Quảng Nam trong văn học thời kỳ chống Mỹ | **0** | Hướng dẫn học sinh tự đọc |
| **24-25** | Chiếc thuyền ngoài xa (Nguyễn Minh Châu) | **70-71-72-73** | 1.Kiến thức  -Những chiêm nghiệm sâu sắc của nhà văn về cuộc đời và nghệ thuật: phải nhìn nhận cuộc sống và con người một cách đa diện; nghệ thuật chân chính luôn gắn với cuộc đời, vì cuộc đời.  -Tình huống truyện độc đáo, mang ý nghĩa khám phá, phát hiện về đời sống.Điểm nhìn nghệ thuật đa chiều. Lời văn giản dị mà sâu sắc, dư ba.  2/Phẩm chất: biết nhường nhịn, vị tha; biết xúc động trước những con người và việc làm tốt, giữ được mối quan hệ hài hoà với người khác; biết cảm thông, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, tình yêu thương đối với những người xung quanh cũng như đối với các nhân vật trong tác phẩm; tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh và văn hoá, biết tha thứ, độ lượng với người khác.  3/Năng lực: giải quyết vấn đề và sáng tạo ; sử dụng CNTT, năng lực đọc hiểu, cảm thụ, sử dụng ngôn ngữ |
| **Kiểm tra thường xuyên lần 2** | **74** | **1/ Kiến thức:** Biết vận dụng kết hợp kiến thức về 3 phân môn: Văn học, Tiếng Việt và Làm văn trong chương trình Ngữ văn lớp 12 học kì 2  **2/ Phẩm chất:** Trung thực, nghiêm túc trong làm bài  **3/ Năng lực:** Năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản nghị luận văn học. |
| Thực hành hàm ý | **0** | **KK học sinh tự đọc** |
| Thực hành hàm ý (tt) | **75** | 1.Kiến thức  -Khái niệm hàm ý  -Một số cách thức tạo hàm ý thông dụng  -Một số tác dụng của cách nói hàm ý.  2/ Phẩm chất:Có trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt  3/Năng lực: năng lực giải quyết vấn đề, hợp tác, năng lự giao tiếp tiếng Việt |
| Đọc thêm: Một người Hà Nội (Nguyễn Khải) | **0** | **KK học sinh tự đọc** |
| **26** | Rèn luyện kĩ năng mở bài, kết bài trong văn nghị luận | **76-77** | 1.Kiến thức:  - Vị trí, tầm quan trọng của mở bài, kết bài trong bài văn nghị luận.  -Các cách mở bài, kết bài thông dụng trong bài văn nghị luận.  2/Phẩm chất: Có ý thức tự chủ, tích cực trong học tập, …  3/Năng lực: Năng lực tự học, sáng tạo; năng lực sử dụng ngôn ngữ, tạo lập đoạn văn,… |
| Ôn tập KT giữa HK 2 | **78** | 1. Kiến thức :  -Biết vận dụng kiến thức Tiếng Việt để làm đọc hiểu  -Biết vận dụng kiến thức Làm văn và Đọc văn để viết bài nghị luận văn học  2/ Phẩm chất: tích cực, chủ động trong học tập, có ý chí vượt khó,...  3/ Năng lực: hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hệ thống kiến thức… |
| **27** | Kiểm tra giữa HK 2 | **79-80** | 1/ Kiến thức:  - Nắm được những kiến thức cơ bản đã học  - Biết vận dụng kiến thức vào thực hành  2/ Phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm  3/ Năng lực  - NL giao tiếp, hợp tác; năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết những tình huống thực tế.  - NL sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trong việc tạo lập văn bản |
| Diễn đạt trong văn nghị luận | **81** | 1/ Kiến thức:  - Nắm được những chuẩn mực diễn đạt trong bài văn nghị luận.  -Biết cách tránh các lỗi và cách sửa lỗi về diễn đạt trong bài văn nghị luận.  - Nâng cao kĩ năng vận dụng nhữngcách diễn đạt khác nhau để trình bày vấn đề linh hoạt, sáng tạo.  2/Phẩm chất: Có ý thức tự chủ, tích cực trong học tập, có trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.  3/Năng lực: Năng lực tự học, sáng tạo; năng lực sử dụng ngôn ngữ, tạo lập VB,… |
| **28-29-30** | Diễn đạt trong văn nghị luận (tt) | **82** | 1/ Kiến thức:  - Nắm được những chuẩn mực diễn đạt trong bài văn nghị luận.  -Biết cách tránh các lỗi và cách sửa lỗi về diễn đạt trong bài văn nghị luận.  - Nâng cao kĩ năng vận dụng nhữngcách diễn đạt khác nhau để trình bày vấn đề linh hoạt, sáng tạo.  2/Phẩm chất: Có ý thức tự chủ, tích cực trong học tập, có trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.  3/Năng lực: Năng lực tự học, sáng tạo; năng lực sử dụng ngôn ngữ, tạo lập VB,… |
| Hồn Trương Ba, da hàng thịt (Lưu Quang Vũ) | **83-**  **84-85** | 1.Kiến thức  -Những ràng buộc mang tính tương khắc giữa thể xác và linh hồn trong một nghịch cảnh trớ trêu :linh hồn nhân hậu, thanh cao phải sống nhờ, sống tạm một cách trái tự nhiên trong một thân xác phàm tục, thô lỗ.  - Cuộc đấu tranh giữa linh hồn và thể xác để bảo vệ những phẩm tính cao quý, để có một cuộc sống thật sự có ý nghĩa, xứng đáng với con người.  -Sức hấp dẫn của kịch bản văn học và nghệ thuật sân khấu, tính hiện đại và giá trị truyền thống, chất trữ tữ tình đằm thắm bay bổng và sự phê phán quyết liệt, mạnh mẽ.  2/ Phẩm chất:  – Sống thật thà, ngay thẳng, thành thật với bản thân và người khác; yêu lẽ phải, trọng chân lí; thẳng thắn trong việc thể hiện những suy nghĩ, tình cảm của mình.  - Biết quan tâm đến những người thân, biết xúc động trước những con người và việc làm tốt, giữ được mối quan hệ hài hoà với người khác; biết cảm thông, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, tình yêu thương đối với những người xung quanh cũng như đối với các nhân vật trong tác phẩm; tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh và văn hoá, biết tha thứ, độ lượng với người khác  3/Năng lực: Giải quyết vấn đề, sử dụng CNTT, năng lực đọc hiểu văn bản nước ngoài, sử dụng ngôn ngữ,… |
| Số phận con người (Sô-lô-khốp) | **86-87-88** | 1.Kiến thức  - Chiến tranh, số phận con người và nghị lực vượt qua số phận.  - Chủ nghĩa nhân đạo cao cả thể hiện ở cách nhìn chiến tranh một cách toàn diện, chân thật.  - Đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện và phân tích tâm trạng nhân vật  2/Phẩm chất: Biết quan tâm đến những người thân, biết xúc động trước những con người và việc làm tốt, giữ được mối quan hệ hài hoà với người khác; biết cảm thông, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, tình yêu thương đối với những người xung quanh cũng như đối với các nhân vật trong tác phẩm; tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh và văn hoá, biết tha thứ, độ lượng với người khác  3/Năng lực: Giải quyết vấn đề, sử dụng CNTT, năng lực đọc hiểu văn bản nước ngoài, sử dụng ngôn ngữ,… |
| Trả bài KT giữa HK 2 | **89** | 1/ Kiến thức: Hệ thống hoá được những kiến thức và kỹ năng viết văn nghị luận  2/ Phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm  3/ Năng lực  Tự đánh giá những ưu điểm và nhược điểm trong bài làm, đồng thời có được những định hướng cần thiết để làm tốt hơn những bài viết sau. |
| Ông già và biển cả (Hê-minh-uê) | **0** | **KK học sinh tự đọc** |
| Thuốc ( Lỗ tấn) | **0** | **KK học sinh tự đọc** |
| **Kiểm tra thường xuyên lần 3** | **90** | **1/ Kiến thức:** Biết vận dụng kết hợp kiến thức về 3 phân môn: Văn học, Tiếng Việt và Làm văn trong chương trình Ngữ văn lớp 12 học kì 2  **2/ Phẩm chất:** Trung thực, nghiêm túc trong làm bài  **3/ Năng lực:** Năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản nghị luận văn học. |
| **31-32** | Giá trị văn học và tiếp nhận văn học | **91-92** | 1/ Kiến thức :  -Nhận biết các khái niệm về giá trị văn học và tiếp nhận văn học  - Hiểu và lí giải được giá trị văn học và tiếp nhận văn học khi đọc hiểu văn bản  -Viết đoạn văn ngắn phân tích giá trị văn học trong 1 tác phẩm đã học;  - Vận dụng hiểu biết về lí luận văn học để lí giải các giá trị văn học và cách tiếp nhận tác phẩm văn học đã học trong chương trình Ngữ văn 12;  2/Phẩm chất: Chăm đọc sách báo; thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập, siêng năng trong công việc gia đình, nhà trường; yêu lao động, có ý chí vượt khó; tích cực rèn luyện để chuẩn bị nghề nghiệp cho tương lai.  3/Năng lực: năng lực giải quyết vấn đề, hợp tác, năng lự giao tiếp tiếng Việt |
| Nhìn về vốn văn hóa dân tộc (Trần Đình Hượu) | **93**  **94** | 1.Kiến thức  - Về nội dung : những mặt ưu điểm và nhược điểm, tích cực và hạn chế của văn hóa dân tộc;  - Về nghệ thuật : cách trình bày khoa học, chính xác, mạch lạc và biện chứng.  2/Phẩm chất: biết giữ gìn tư cách, bản sắc của công dân Việt Nam; đồng thời, biết tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá nhân loại để hội nhập quốc tế, trở thành công dân toàn cầu.  3/Năng lực: giải quyết vấn đề và sáng tạo ; sử dụng CNTT, năng lực đọc hiểu, cảm thụ, sử dụng ngôn ngữ |
| Phát biểu tự do | **0** | **KK học sinh tự đọc** |
| Phong cách ngôn ngữ hành chính | **95**  **96** | 1.Kiến thức  - Đặc điểm của phong cách ngôn ngữ hành chính;  - Sự lựa chọn các yếu tố ngôn ngữ trong quá trình soạn thảo các văn bản mang phong cách  2/Phẩm chất: Có ý thức tự chủ, tích cực trong học tập, …Chăm đọc sách báo; thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập, siêng năng trong công việc gia đình, nhà trường; yêu lao động, có ý chí vượt khó; tích cực rèn luyện để chuẩn bị nghề nghiệp cho tương lai.  3/Năng lực: Năng lực tự học, sáng tạo; năng lực sử dụng ngôn ngữ,… |
| **33** | **Kiểm tra thường xuyên lần 4** | **97** | **1/ Kiến thức:** Biết vận dụng kết hợp kiến thức về 3 phân môn: Văn học, Tiếng Việt và Làm văn khi đọc hiểu ngữ liệu mở  **2/ Phẩm chất:** Trung thực, nghiêm túc trong làm bài  **3/ Năng lực:** Năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản nghị luận xã hội. |
| Tổng kết phần Tiếng Việt | **98** | 1/ Kiến thức:  -Hệ thống hóa được các kiến thức cơ bản về lịch sử, đặc điểm loại hình và phong cách ngôn ngữ; hiểu và lí giải được đặc trưng của PCNN văn bản;  -Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật của đặc điểm loại hình tiếng Việt trong văn bản; Vận dụng hiểu biết tiếng Việt để làm bài đoạc hiểu;  2/Phẩm chất: tích cực, chủ động trong học tập,  Chăm đọc sách báo; thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập, siêng năng trong công việc gia đình, nhà trường; yêu lao động, có ý chí vượt khó; tích cực rèn luyện để chuẩn bị nghề nghiệp cho tương lai.  3/Năng lực: hợp tác, sử dụng CNTT, giải quyết vấn đề, tự học, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hệ thống kiến thức… |
| Ôn tập phần văn học | **99** | 1. Kiến thức :  -Nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm, hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.  -Khái quát được đặc điểm phong cách tác giả từ tác phẩm; Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn học hiện đại Việt Nam  2/ Phẩm chất: tích cực, chủ động trong học tập, chăm đọc sách báo; thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập, siêng năng trong công việc gia đình, nhà trường; yêu lao động, có ý chí vượt khó; tích cực rèn luyện để chuẩn bị nghề nghiệp cho tương lai.  3/ Năng lực: hợp tác, sử dụng CNTT, giải quyết vấn đề, tự học, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hệ thống kiến thức…  quyết vấn đề, tự học, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hệ thống kiến thức… quyết vấn đề, tự học, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hệ thống kiến thức… quyết vấn đề, tự học, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hệ thống kiến thức… |
| **34-35** | **Rèn kỹ năng làm bài Đọc- hiểu** | **100** | 1. Kiến thức :  - Nắm được các kiến thức cơ bản về Tiếng Việt, Làm văn để làm bài Đọc- hiểu  - Vận dụng hiểu biết để đọc –hiểu văn bản theo yêu cầu;  2/ Phẩm chất:tích cực, chủ động trong học tập, chăm đọc sách báo; thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập, siêng năng trong công việc gia đình, nhà trường; yêu lao động, có ý chí vượt khó; tích cực rèn luyện để chuẩn bị nghề nghiệp cho tương lai.  3/Năng lực: hợp tác, sử dụng CNTT, giải quyết vấn đề, tự học, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hệ thống kiến thức… |
| **Rèn kỹ năng viết đoạn nghị luận xã hội ( 200 chữ)** | **101** | 1. Kiến thức :  - Hiểu đặc điểm của văn bản nghị luận.Viết đoạn văn nghị luận( khoảng 200 từ)  - Vận dụng hiểu biết văn nghị luận để tạo lập văn bản theo yêu cầu;  2/ Phẩm chất:tích cực, chủ động trong học tập, chăm đọc sách báo; thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập, siêng năng trong công việc gia đình, nhà trường; yêu lao động, có ý chí vượt khó; tích cực rèn luyện để chuẩn bị nghề nghiệp cho tương lai.  3/Năng lực: hợp tác, sử dụng CNTT, giải quyết vấn đề, tự học, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hệ thống kiến thức… |
| Kiểm tra cuối HK2 | **102-103** | 1/ Kiến thức:  - Nắm được những kiến thức cơ bản đã học  - Biết vận dụng kiến thức vào thực hành  2/ Phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm  3/ Năng lực  - NL giao tiếp, hợp tác; năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết những tình huống thực tế.  - NL sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trong việc tạo lập văn bản |
| Trả bài kiểm tra cuối HK2 | **104** | 1/ Kiến thức: Hệ thống hoá được những kiến thức và kỹ năng viết văn nghị luận  2/ Phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm  3/ Năng lực  Tự đánh giá những ưu điểm và nhược điểm trong bài làm, đồng thời có được những định hướng cần thiết để làm tốt hơn những bài viết sau. |
| Hướng dẫn HS ôn thi Tốt nghiệp | **105** | 1. Kiến thức :  -biết vận dụng kiến thức Tiếng Việt để làm đọc hiểu  -Biết vận dụng kiến thức Làm văn và Đọc văn để viết bài nghị luận văn học  2/ Phẩm chất: tích cực, chủ động trong học tập, có ý chí vượt khó,...  3/ Năng lực: hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hệ thống kiến thức… |

**HỌC KỲ 1- KHỐI 11 (18tuần x 4 tiết = 72 tiết)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Bài học/Chủ đề** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **1-2-3-4** | **Chủ đề tích hợp 1: Thơ ca Trung đại VN**  - Tự tình II (Hồ Xuân Hương)  - Câu cá mùa thu (Nguyễn Khuyến)  - Thương vợ (Trần Tế Xương)  - Thao tác lập luận phân tích  - Luyện tập thao tác lập luận phân tích  - Phân tích đề, lập dàn ý bài văn nghị luận | **1-2**  **3-4**  **5-6**  **7-**  **8- 9** | **1/ Kiến thức:** Nhận ra được nội dung cảm xúc, ý nghĩa, tâm trạng của nhân vật trữ tình, phát hiện được các hình ảnh, chi tiết nghệ thuật của bài thơ; Thấy được tài năng nghệ thuật của mỗi nhà thơ. Phân tích được đề văn nghị luận, biết sử dụng thao tác lập luận phân tích khi viết văn nghị luận  **2/ Phẩm chất:** Chăm chỉ, trách nhiệm. Biết trân trọng tài năng, vẻ đẹp tâm hồn, bản lĩnh của nhà thơ. Có ý chí, nghị lực trong cuộc sống; có lòng yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước;  **3/ Năng lực:**  - Biết đọc hiểu một văn bản thơ trung đại theo đặc trưng thể loại:  - Có ý thức và thói quen phân tích đề và lập dàn ý trước khi làm bài  **-** NL giao tiếp, hợp tác; năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết những tình huống thực tế. |
| **Vào phủ chúa Trịnh** - *Lê Hữu Trác* | **0** | KK HS tự đọc |
| Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân | **0** | KK HS tự đọc |
| **Kiểm tra thường xuyên lần 1** | **10** | **1/ Kiến thức:** Biết vận dụng kết hợp kiến thức về 3 phân môn: Văn học, Tiếng Việt và Làm văn khi đọc hiểu ngữ liệu mở  **2/ Phẩm chất:** Trung thực, nghiêm túc trong làm bài  **3/ Năng lực:** Năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản nghị luận xã hội. |
| **Bài ca ngất ngưởng** -*Nguyễn Công Trứ* | **11-12-** | **1/ Kiến thức:** Cảm nhận được tâm hồn tự do phóng khoáng cùng thái độ tự tin của NCT; nắm được những tri thức cơ bản về đặc điểm của thể loại hát nói. Xác định được quan điểm sống, phong cách sống của NCT từ những góc nhìn khác nhau.  **2/ Phẩm chất:** Trân trọng tài năng, nhân cách của các tác giả. Biết thể hiện quan điểm cá nhân khi đánh giá thái độ tác giả. Có thái độ sống đúng đắn trong từng hoàn cảnh khác nhau của cuộc sống; biết sống có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, đất nước.  **3/ Năng lực:**  - Biết đọc hiểu một văn bản VH trung đại theo đặc trưng thể loại.  **-** NL giao tiếp, hợp tác; năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết những tình huống thực tế. |
| ***Trải nghiệm sáng tạo Văn học* (về tác phẩm Bài ca ngất ngưởng** ) | **13** | **1/ Kiến thức:** Khắc sâu kiến thức về tác phẩm đã được học  **2/ Phẩm chất:** Trân trọng tài năng, nhân cách của các tác giả. Biết thể hiện quan điểm cá nhân khi đánh giá thái độ tác giả. Có thái độ sống đúng đắn trong từng hoàn cảnh khác nhau của cuộc sống; biết sống có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, đất nước.  **3/ Năng lực:**  **-** NL giao tiếp, hợp tác; năng lực ngôn ngữ; năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết những tình huống thực tế. |
| **Bài ca ngắn đi trên bãi cát** - (*Cao Bá Quát)* | **14-15** | **1/ Kiến thức:** Hiểu được tâm trạng, vẻ đẹp nhân cách, và tầm tư tưởng cao rộng của Cao Bá Quát qua bài thơ. Xác định được quan điểm sống CBQ từ những góc nhìn khác nhau.  **2/ Phẩm chất:** Trân trọng tài năng, nhân cách của các tác giả. Biết thể hiện quan điểm cá nhân khi đánh giá thái độ tác giả. Có thái độ sống đúng đắn trong từng hoàn cảnh khác nhau của cuộc sống; biết sống có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, đất nước.  **3/ Năng lực:**  - Biết đọc hiểu một văn bản VH trung đại theo đặc trưng thể loại.  **-** NL giao tiếp, hợp tác; năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết những tình huống thực tế. |
| ***Trải nghiệm sáng tạo Văn học* (về tác phẩm Bài ca ngắn đi trên bãi cát** ) | **16** | **1/ Kiến thức:** Khắc sâu kiến thức về tác phẩm đã được học  **2/ Phẩm chất:** Trân trọng tài năng, nhân cách của các tác giả. Biết thể hiện quan điểm cá nhân khi đánh giá thái độ tác giả. Có thái độ sống đúng đắn trong từng hoàn cảnh khác nhau của cuộc sống; biết sống có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, đất nước.  **3/ Năng lực:**  **-** NL giao tiếp, hợp tác; năng lực ngôn ngữ; năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết những tình huống thực tế. |
| *Đọc thêm*: Khóc Dương Khuê, Vịnh khoa thi hương | **0** | KK HS tự đọc |
| ***Đọc thêm:*** Lẽ ghét thương, Chạy giặc *(NĐC*); Bài ca phong cảnh Hương Sơn*(CMT)* | **0** | KK HS tự đọc |
| **5-6** | **Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc -*Nguyễn Đình Chiểu-***  ***(Phần 1 – Tác giả)***  ***(Phần 2- Tác phẩm)*** | **17-18-19-20** | **1/ Kiến thức:** Cảm nhận được vẻ đẹp bi tráng của bức tượng đài nông dân nghĩa sĩ có một không hai trong lịch sử văn học Trung đại  **2/ Phẩm chất:** Trân trọng tài năng, nhân cách, những đóng góp của tác giả. Có tình yêu quê hương đất nước và nhận thức được vai trò, trách nhiệm của công dân đối với đất nước  **3/ Năng lực:**  - Đọc - hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại: Văn tế  **-** NL giao tiếp, hợp tác; năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết những tình huống thực tế. |
| ***Trải nghiệm sáng tạo Văn học* (về tác phẩm Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc** ) | **21** | **1/ Kiến thức:** Khắc sâu kiến thức về tác phẩm đã được học  **2/ Phẩm chất:** Trân trọng tài năng, nhân cách, những đóng góp của tác giả. Có tình yêu quê hương đất nước và nhận thức được vai trò, trách nhiệm của công dân đối với đất nước  **3/ Năng lực:**  **-** NL giao tiếp, hợp tác; năng lực ngôn ngữ; năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết những tình huống thực tế. |
| **Chiếu cầu hiền** -*Ngô Thì Nhậm*  *+ Đọc thêm*: **Xin lập khoa luật -**Trích ***Tế cấp bát điều*** của Nguyễn Trường Tộ | **0** | KK HS tự đọc |
| **Thực hành về nghĩa của từ trong sử dụng** | **0** | KK HS tự đọc |
| **Ôn tập văn học trung đại Việt Nam** | **22- 23** | **1/ Kiến thức:** Nắm được một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về văn học trung đại Việt Nam đã học trong Chương trình  **2/ Phẩm chất:** Trân trọng giá trị nội dung, tư tưởng, nghệ thuật của một thời kì văn học và tài năng, tâm hồn, nhân cách của các tác giả  **3/ Năng lực:** Có thể tự đánh giá về kiến thức về VHTĐ và phương pháp ôn tập, từ đó rút ra kinh nghiệm để học tập tốt hơn phần văn học tiếp theo |
| **Kiểm tra thường xuyên lần 2** | **24** | **1/ Kiến thức:** Biết vận dụng kết hợp kiến thức về 3 phân môn: Văn học, Tiếng Việt và Làm văn trong chương trình Ngữ văn lớp 11 học kì I  **2/ Phẩm chất:** Trung thực, nghiêm túc trong làm bài  **3/ Năng lực:** Năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản nghị luận văn học. |
| **7-8-9** | **Thực hành về thành ngữ, điển cố** | **25-26** | **1. Kiến thức:** Nâng cao kiến thức cần thiết về thành ngữ, điển cố: đặc điểm cơ bản về cấu tạo, về ý nghĩa và cách dùng; Nâng cao kĩ năng cảm nhận và phân tích thành ngữ, điển cố, thấy được sự giàu đẹp của tiếng Việt.  **2.Kĩ năng:** Kĩ năng sử dụng thành ngữ, điển cố; nhận diện thành ngữ và điển cố trong lời nói.  **3.Năng lực:** Cảm nhận, phân tích giá trị biểu hiện và giá trị nghệ thuật của thành ngữ, điển cố trong lời nói; Biết sử dụng thành ngữ và điển cố thông dụng khi cần thiết trong giao tiếp. |
| **Khái quát văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.** | **27-28-**  **29** | **1/ Kiến thức:** Nắm được những đặc điểm cơ bản làm nên diện mạo và bản chất một nền văn học mới  **2/ Phẩm chất:** Tự hào, trân trọng về truyền thống văn học, thành tựu văn học, tài năng của các tác giả đã đem lại những giá trị to lớn cho nền văn học dân tộc.  **3/ Năng lực:**  - Biết cách tìm hiểu một bài văn học sử: thu thập thông tin; phân tích, so sánh đặc điểm của các bộ phận văn học, xu hướng văn học giai đoạn này  **-** NL giao tiếp, hợp tác; năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết những tình huống thực tế. |
| **Hai đứa trẻ** *(Thạch Lam)* | **30-**  **31-32-33** | **1/ Kiến thức:**  Xác được các thông tin chính, nổi bật về tác giả, nhận biết và phân tích được chủ đề, cảm hứng chủ đạo, các từ ngữ, hình ảnh, chi tiết, biện pháp nghệ thuật…để dựng lên bức tranh thiên nhiên, cuộc sống và hình tượng nhân vật trong tác phẩm  **2/ Phẩm chất:**  Có ý thức xây dựng một cuộc sống có ý nghĩa cho bản thân và những người xung quanh; biết yêu thương những mảnh đời nghèo khổ, thiếu thốn, yêu quí cái đẹp và văn hoá cổ truyền dân tộc; bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, quê hương đất nước; biết quý trọng và phát huy vẻ đẹp của ngôn ngữ dân tộc.  **3/ Năng lực:**  - Phân tích, rút ra được những thông điệp nghệ thuật mà các tác giả đã gửi gắm trong các tác phẩm. Bày tỏ được ý kiến của bản thân về các vấn đề được đề cập đến trong các tác phẩm  - Rèn kỹ năng Đọc – hiểu các tác phẩm theo đặc trưng thể loại |
| **Chữ người tử tù** *( Nguyễn Tuân)* | **34-35-36** | **1/ Kiến thức:**  Xác được các thông tin chính, nổi bật về tác giả, nhận biết và phân tích được chủ đề, cảm hứng chủ đạo, các từ ngữ, hình ảnh, chi tiết, biện pháp nghệ thuật…để xây dựng hình tượng nhân vật trong tác phẩm  **2/ Phẩm chất:**  Có ý thức xây dựng một cuộc sống có ý nghĩa cho bản thân và những người xung quanh; yêu quí cái đẹp, cái thiện và văn hoá cổ truyền dân tộc; biết quý trọng và phát huy vẻ đẹp của ngôn ngữ dân tộc; biết phê phán, lên án những cái xấu, cái ác trong xã hội.  **3/ Năng lực:**  - Phân tích, rút ra được những thông điệp nghệ thuật mà các tác giả đã gửi gắm trong các tác phẩm. Bày tỏ được ý kiến của bản thân về các vấn đề được đề cập đến trong các tác phẩm  - Rèn kỹ năng Đọc – hiểu các tác phẩm theo đặc trưng thể loại. |
| **10** | **Ôn tập kiểm tra giữa học kì I** | **37-38** | 1. Kiến thức :  -Biết vận dụng kiến thức Tiếng Việt để làm đọc hiểu  -Biết vận dụng kiến thức Làm văn và Đọc văn để viết bài nghị luận văn học  2/ Phẩm chất: tích cực, chủ động trong học tập, có ý chí vượt khó,...  3/ Năng lực: hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hệ thống kiến thức… |
| **Kiểm tra giữa học kì I** | **39-40** | **1/ Kiến thức:**  - Nắm được những kiến thức cơ bản đã học  - Biết vận dụng kiến thức vào làm bài kiểm tra.  **2/ Phẩm chất**: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm  **3/ Năng lực**  - NL giao tiếp, hợp tác; năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết những tình huống thực tế.  - NL sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trong việc tạo lập văn bản |
| **11** | **Ngữ cảnh** | **41** | **1/ Kiến thức:** Nắm được khái niệm ngữ cảnh, các yếu tố của ngữ cảnh và vai trò của ngữ cảnh trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ  **2/ Phẩm chất:** Chăm chỉ, biết yêu quý Tiếng Việt. Có ý thức tạo lập văn bản trong ngữ cảnh phù hợp, tạo hiệu quả cao trong giao tiếp.  **3/ Năng lực:**  Năng lực đọc – hiểu các văn bản, xác định ngữ cảnh của văn bản |
| **Hạnh phúc của một tang gia** (Trích **Số đỏ** của Vũ Trọng Phụng) | **42-**  **43-44** | **1/ Kiến thức:**  Xác được các thông tin chính, nổi bật về tác giả, nhận biết và phân tích được chủ đề, cảm hứng chủ đạo, các từ ngữ, hình ảnh, chi tiết, biện pháp nghệ thuật…để xây dựng hình tượng nhân vật trong tác phẩm  **2/ Phẩm chất:**  Có ý thức xây dựng một cuộc sống có ý nghĩa cho bản thân và những người xung quanh; yêu quí cái đẹp, cái thiện và văn hoá cổ truyền dân tộc; biết quý trọng và phát huy vẻ đẹp của ngôn ngữ dân tộc; biết phê phán, lên án những cái xấu, cái ác trong xã hội.  **3/ Năng lực:**  - Phân tích, rút ra được những thông điệp nghệ thuật mà các tác giả đã gửi gắm trong các tác phẩm. Bày tỏ được ý kiến của bản thân về các vấn đề được đề cập đến trong các tác phẩm  - Rèn kỹ năng Đọc – hiểu các tác phẩm theo đặc trưng thể loại |
| **12** | **Chí Phèo** - Nam Cao | **45**  **46**  **47**  **48** | **1/ Kiến thức:**  Xác được các thông tin chính, nổi bật về tác giả, nhận biết và phân tích được chủ đề, cảm hứng chủ đạo, các từ ngữ, hình ảnh, chi tiết, biện pháp nghệ thuật…để dựng lên bức tranh thiên nhiên, cuộc sống và hình tượng nhân vật trong tác phẩm  **2/ Phẩm chất:**  Có ý thức xây dựng một cuộc sống có ý nghĩa cho bản thân và những người xung quanh; biết cảm thông với những số phận bất hạnh; biết quý trọng và phát huy vẻ đẹp của ngôn ngữ dân tộc.  **3/ Năng lực:**  - Phân tích, rút ra được những thông điệp nghệ thuật mà các tác giả đã gửi gắm trong các tác phẩm. Bày tỏ được ý kiến của bản thân về các vấn đề được đề cập đến trong các tác phẩm  - Rèn kỹ năng Đọc – hiểu các tác phẩm theo đặc trưng thể loại. |
| **13-14-** | **Trả bài viết giữa kỳ I** | **49** | 1/ Kiến thức: Hệ thống hoá được những kiến thức và kỹ năng viết văn nghị luận  2/ Phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm  3/ Năng lực  Tự đánh giá những ưu điểm và nhược điểm trong bài làm, đồng thời có được những định hướng cần thiết để làm tốt hơn những bài viết sau. |
| **Chủ đề tích hợp 2:**  **PHONG CÁCH NGÔN NGỮ BÁO CHÍ**  - Phong cách ngôn ngữ báo chí  - Bản tin  - Luyện tập viết bản tin  - Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn  - Luyện tập phỏng vấn và trả lời phỏng vấn | **50**  **51**  **52**  **53**  **54** | **1/ Kiến thức:**  - Nắm được khái niệm, đặc trưng ngôn ngữ báo chí và phong cách ngôn ngữ báo chí. Phân biệt được ngôn ngữ báo chí với ngôn ngữ ở văn bản khác được tăng tải trên báo.  - Nắm được yêu cầu về nội dung, hình thức của bản tin và cách viết bản tin; Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn  **2/ Phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, nhân ái…  **3/ Năng lực:**  - Có kĩ năng nhận diện/ thực hành, biết khai thác nguồn thông tin để tạo lập văn bản theo PPNNBC, thực hiện phỏng vấn và trả lời phỏng vấn  - Có ý thức vận dụng kiến thức bài học để tạo lập văn bản và giao tiếp |
| **Thao tác lập luận so sánh.** | **55** | **1/ Kiến thức:**  - Nắm được mục đích và yêu cầu của thao tác lập luận so sánh  - Biết cách vận dụng kết hợp thao tác lập luận so sánh và phân tích khi làm bài văn nghị luận xã hội, nghị luận văn học  **2/ Phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm  **3/ Năng lực:**  Vận dung sáng tạo, linh hoạt thao tác lập luận so sánh. khi tạo lập văn bản |
| **- Luyện tập thao tác lập luận so sánh**  **- Luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận phân tích và so sánh.** | **56** | **1/ Kiến thức:**  - Biết cách vận dụng kết hợp thao tác lập luận so sánh và phân tích khi làm bài văn nghị luận xã hội, nghị luận văn học  **2/ Phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm  **3/ Năng lực:**  Vận dung sáng tạo, linh hoạt thao tác lập luận phân tích, so sánh. khi tạo lập văn bản |
| **15** | **Một số thể loại văn học: Thơ, truyện** | **57-58** | **1/ Kiến thức:** Nhận biết loại và thể trong văn học. Hiểu khái quát đặc điểm của một số thể loại văn học: thơ truyện  **2/ Phẩm chất:** Yêu quý, trân trọng các tác phẩm văn học  **3/ Năng lực:**  Biết vận dụng kiến thức bài học đểđọc – hiểu các tác phẩm văn học liên quan đến thể loại thơ, truyện |
| **Kiểm tra thường xuyên lần 3** | **59** | **1/ Kiến thức:** Biết vận dụng kết hợp kiến thức về 3 phân môn: Văn học, Tiếng Việt và Làm văn trong chương trình Ngữ văn lớp 11 học kì I  **2/ Phẩm chất:** Trung thực, nghiêm túc trong làm bài  **3/ Năng lực:** Năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản nghị luận văn học. |
| **Thực hành một số kiểu câu trong văn bản.** | **60** | **1/ Kiến thức:** Ôn luyện và nâng cao thêm một bước kiến thức cơ bản về một số kiểu câu (Câu bị động, câu có khởi ngữ, câu có trạng ngữ chỉ tình huống) và tác dụng của các kiểu câu đó trong sự liên kết ý ở văn bản.  **2/ Phẩm chất:** Luôn có ý thức diễn đạt đúng quy định đúng yêu cầu về ngôn ngữ ở cấp độ câu.  **3/ Năng lực:**  Rèn kĩ năng nhận diện và phân tích được đặc điểm cấu tạo của ba kiểu câu, phân tích được tác dụng về diễn đạt ý của ba kiểu câu đó trong văn bản. Lựa chọn cách đặt câu sao cho thích hợp với sự triển khai ý trong văn bản. |
| **Thực hành lựa chọn trật tự các bộ phận trong câu.** | **0** | Khuyến khích học sinh tự đọc |
| Đọc thêm: **Vi hành, Tinh thần thể dục, Cha con nghĩa nặng,** | **0** | Khuyến khích học sinh tự đọc |
| **16** | **Vĩnh biệt Cửu Trùng đài** (Trích ***Vũ Như Tô*** của Nguyễn Huy Tưởng) | **61**  **62** | **1/ Kiến thức:** Nắm được những đặc điểm của thể loại bi kịch. Hiểu và phân tích được xung đột kịch, tính cách, diễn biến tâm trạng, bi kịch của Vũ Như Tô và Đan Thiềm trong hồi V của vở kịch  **2/ Phẩm chất:** Có thái độ ngưỡng mộ, trân trọng tài năng của tác giả đối với những nghệ sĩ có tâm huyết và tài năng lớn nhưng lại lâm vào tình trạng mâu thuẫn không thể giải quyết được giữa khát vọng nghệ thuật lớn lao và thực tế xã hội.  **3/ Năng lực**  - Biết cách đọc -hiểu văn bản văn học theo đặc trưng thể loại: Kịch lịch sử  **-** NL giao tiếp, hợp tác; năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết những tình huống thực tế. |
| **Tình yêu và thù hận** (Trích ***Rô-mê-ô và Giu-li-ét*** của Sếch-xpia) | **63**  **64** | **1/ Kiến thức:** Hiểu được Tình yêu chân chính và mãnh liệt của tuổi trẻ vượt lên thù hận dòng tộc; Diễn biến tâm trạng nhân vật qua ngôn ngữ đối thoại  **2/ Phẩm chất:** Có nhận thức và cách hành xử đúng đắn về tình yêu và cuộc sống  **3/ Năng lực:**  Biết thưởng thức vẻ đẹp ngôn ngữ, vẻ đẹp hình tượng cũng như cảm thụ cái hay, cái đẹp của tác phẩm văn học nước ngoài |
| **17** | **Ôn tập Văn học.** | **65-66** | **1. Kiến thức** :  -Nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm, hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.  - Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn học.  **2/ Phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.  **3/ Năng lực:**  - Biết vận dụng kiến thức đã học để tạo lập văn bản  **-** NL giao tiếp, hợp tác; năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết những tình huống thực tế.  - NL sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp. |
| **Kiểm tra thường xuyên lần 4** | **67** | **1/ Kiến thức:** Biết vận dụng kết hợp kiến thức về 3 phân môn: Văn học, Tiếng Việt và Làm văn khi đọc hiểu ngữ liệu mở  **2/ Phẩm chất:** Trung thực, nghiêm túc trong làm bài  **3/ Năng lực:** Năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản nghị luận xã hội. |
| **Hướng dẫn ôn tập kiểm tra cuối học kì I** | **68** | 1. Kiến thức :  -Biết vận dụng kiến thức Tiếng Việt để làm đọc hiểu  -Biết vận dụng kiến thức Làm văn và Đọc văn để viết bài nghị luận văn học  2/ Phẩm chất: tích cực, chủ động trong học tập, có ý chí vượt khó,...  3/ Năng lực: hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hệ thống kiến thức… |
| **18** | **Ôn tập kỹ năng làm bài Đọc hiểu** | **69** | 1. Kiến thức :  -Biết vận dụng kiến thức Tiếng Việt để làm đọc hiểu  -Biết vận dụng kiến thức Làm văn và Đọc văn để viết bài nghị luận  2/ Phẩm chất: tích cực, chủ động trong học tập, có ý chí vượt khó,...  3/ Năng lực: hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hệ thống kiến thức… |
| **Kiểm tra cuối học kì I** | **70-71** | **1/ Kiến thức:** Đánh giá tổng hợp kiến thức về đọc hiểu; về làm văn nghị luận.  **2/ Phẩm chất:** Tự nhận thức, xác định được các giá trị chân chính trong cuộc sống và trong văn học mà mỗi con người cần hướng tới. Có ý thức tự học, tự rèn luyện  **3/ Năng lực:**  - Biết xác định đúng vấn đề nghị luận, vận dụng kết hợp các thao tác lập luận để viết bài văn nghị luận; lựa chọn cách giải quyết đúng đắn, lập luận chặt chẽ, logic để triển khai một vấn đề văn học.  - Viết được bài văn nghị luận văn học vừa thể hiện hiểu biết về tác phẩm, vừa nêu lên những suy nghĩ riêng, bước đầu có tính sáng tạo. |
| **Trả bài kiểm tra cuối học kì I** | **72** | **1/ Kiến thức:**Nhận rõ những ưu, khuyết điểm của bài làm; biết đối chiếu với yêu cầu của đề văn;; từ đó củng cố thêm các kiến thức và kĩ năng làm văn nghị luận, nhất là nghị luận văn học.  **2/ Phẩm chất:**Tiếp tục rèn kĩ năng phân tích đề, lập dàn ý; thao tác lập luận phân tích trong bài nghị luận văn học.  **3/ Năng lực:** Biết rút kinh nghiệm về phân tích đề, lập dàn ý, thao tác phân tích trong văn nghị luận |

**HỌC KỲ 2- KHỐI 11 ( 17 tuần x3 tiết= 51 tiết)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Bài học/Chủ đề** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **19-20** | **Lưu Biệt khi xuất dương** | **73-74** | 1. Kiến thức  - Cảm nhận được vẻ đẹp lãng mạn, hào hùng của nhà chí sĩ cách mạng đầu thế kỉ XX;  - Thấy được những nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ  2. Phẩm chất:  - Bồi dưỡng lòng yêu nước nhiệt huyết cách mạng và có trách nhiệm trong xây dựng đất nước;  3. Năng lực:  - Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Năng lực đọc –hiểu tác phẩm trữ tình theo đặc trưng thể loại; năng lực ngôn ngữ |
| **Nghĩa của câu**  **Nghĩa của câu (tt)** | **75 -76** | 1**.** Kiến thức**:**  -Hiểu được khái niệm “ nghĩa sự việc”, “nghĩa tình thái” .  -Biết vận dụng hiểu biết về nghĩa của câu vào việc phân tích và tạo lập câu.  2. Phẩm chất: ý thức giữ gìn và phát triển vẻ đẹp ngôn từ tiếng Việt  3. Năng lực:  - Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Năng lực ngôn ngữ |
| **Hầu trời *(Tản Đà)*** | **77-78** | 1**.** Kiến thức**:**  -Hiểu được khái niệm “nghĩa sự việc”, “nghĩa tình thái” .  -Biết vận dụng hiểu biết về nghĩa của câu vào việc phân tích và tạo lập câu.  2. Phẩm chất: ý thức giữ gìn và phát triển vẻ đẹp ngôn từ tiếng Việt  3. Năng lực:  - Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Năng lực ngôn ngữ |
| **21-22-23** | **Kiểm tra thường xuyên lần 1** | 79 | **1/ Kiến thức:** Biết vận dụng kết hợp kiến thức về 3 phân môn: Văn học, Tiếng Việt và Làm văn khi đọc hiểu ngữ liệu mở  **2/ Phẩm chất:** Trung thực, nghiêm túc trong làm bài  **3/ Năng lực:** Năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản nghị luận xã hội. |
| **Vội vàng** *(Xuân Diệu)* | **80-81-82** | 1.Kiến thức  ***-*** Niềm khát khao giao cảm với đời và quan niệm nhân sinh, thẩm mĩ mới mẻ của Xuân Diệu.  - Đặc sắc của phong cách nghệ thuật thơ Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám.  2. Phẩm chất: Bồi dưỡng tình yêu cuộc sống, ý thức được trách nhiệm cá nhân trước cuộc đời.  3. Năng lực:  - Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Năng lực đọc – hiểu tác phẩm thơ trữ tình lãng mạn, năng lực ngôn ngữ. |
| **- Thao tác lập luận bác bỏ**  **- Luyện tập thao tác lập luận bác bỏ** | **83** | 1. Kiến thức:  - Nắm được yêu cầu và cách sử dụng thao tác lập luận bác bỏ trong văn nghị luận.  - Biết bác bỏ một ý kiến sai, thiếu chính xác về xã hội hoặc văn học.  - Vận dụng thành thạo kiến thức để viết được một đoạn nghị luận theo thao tác lập luận bác bỏ  2. Phẩm chất: Có ý thức sử dụng thao tác lập luận bác bỏ trong giao tiếp ngôn ngữ  3. Năng lực:  - Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Năng lực ngôn ngữ. |
| **Tràng giang**  *(Huy Cận)* | **84-85** | 1. Kiến thức:  - Cảm nhận được nỗi sầu của cái tôi cô đơn trước tạo vật thiên nhiên  - Cảm nhận được lòng yêu quê hương đất nước thầm kín đượm trong nỗi sầu đó.  - Nhận ra được việc sử dụng nhuần nhuyễn những yếu tố thơ cổ điển trong một bài thơ mới.  2. Phẩm chất: Bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước  3. Năng lực:  - Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Năng lực đọc – hiểu tác phẩm thơ trữ tình lãng mạn, năng lực ngôn ngữ. |
| **Đây thôn Vĩ Dạ**  *(Hàn Mặc Tử)* | **86-87** | 1. Kiến thức:  - Cảm nhận được tình yêu đời, lòng ham sống mãnh liệt mà đầy uẩn khúc của một hồn thơ  - Chỉ ra được lối tạo hình giản dị mà tài hoa của thi phẩm.  2. Phẩm chất: Bồi dưỡng tình yêu cuộc sống, trân trọng khát vọng sống của nhà thơ.  3. Năng lực:  - Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Năng lực đọc – hiểu tác phẩm thơ trữ tình lãng mạn, năng lực ngôn ngữ. |
| **24** | **Kiểm tra thường xuyên lần 2** | 88 | **1/ Kiến thức:** Biết vận dụng kết hợp kiến thức về 3 phân môn: Văn học, Tiếng Việt và Làm văn trong chương trình Ngữ văn lớp 11 học kì 2  **2/ Phẩm chất:** Trung thực, nghiêm túc trong làm bài  **3/ Năng lực:** Năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản nghị luận văn học. |
| **Chiều tối**  *(Hồ Chí Minh)* | **89-90** | 1. Kiến thức:  -Lòng nhân ái, tinh thần lạc quan cách mạng luôn luôn hướng về sự sống ánh sáng tương lai.  -Vẻ đẹp của thơ HCM: sự kết hợp hài hòa giữa màu sắc cổ điển và hiện đại, giữa chất thép và chất tình.  2. Phẩm chất: Bồi dưỡng lòng yêu nước, sống có hoài bão, có lý tưởng.  3. Năng lực:  - Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Năng lực đọc hiểu tác phẩm thơ chữ Hán, năng lực ngôn ngữ. |
| **25** | **Từ ấy** *(Tố Hữu)* | **91-92** | 1. Kiến thức:  - Thấy rõ niềm vui sướng, say mê mãnh liệt của Tố Hữu trong buổi đầu gặp gỡ lí tưởng cộng sản  - Hiểu được sự vận động của các yếu tố trong thơ trữ tình.  2. Phẩm chất: Bồi dưỡng lòng yêu nước, sống có hoài bão, có lý tưởng.  3. Năng lực:  - Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Năng lực đọc hiểu tác phẩm thơ trữ tình, năng lực ngôn ngữ. |
| ***Đọc thêm*:**  **Nhớ đồng** (Tố Hữu)**, Lai Tân** (HCM), **Chiều xuân** (Anh Thơ)  **Tương tư (**Nguyễn Bính**}** | 0 | Năng lực tự học |
| **Tiểu sử tóm tắt** | **93** | 1. Kiến thức:  - Hiểu được mục đích yêu cầu của tiểu sử tóm tắt  - Biết cách viết tiểu sử tóm tắt  2. Phẩm chất: Bồi dưỡng ý thức thận trọng, chân thực khi viết tiểu sử tóm tắt.  3. Năng lực:  - Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Năng lực ngôn ngữ. |
| **26** | **Luyện tập viết tiểu sử tóm tắt** | **94** | 1/ Kiến thức:  - Nắm được những kiến thức cơ bản đã học  - Biết vận dụng kiến thức vào thực hành  2/ Phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm  3/ Năng lực  - NL giao tiếp, hợp tác; năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết những tình huống thực tế.  - NL sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trong việc tạo lập văn bản |
| **Tôi yêu em *(Pu-skin)*** | **95-96** | 1. Kiến thức:  Cảm nhận được vẻ đẹp trong sáng của bài thơ cả về nội dung tâm tình lẫn ngôn ngữ nghệ thuật  2. Phẩm chất: Giáo dục cho học sinh tình cảm chân thành, vị tha, cao thượng trong cuộc sống và trong tình yêu  3. Năng lực:  - Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Năng lực đọc hiểu tác phẩm thơ Nga, năng lực ngôn ngữ. |
| **27** | **Ôn tập kiểm tra giữa học kì II** | **97** | 1/ Kiến thức:  - Củng cố những kiến thức cơ bản đã học  - Biết vận dụng kiến thức vào thực hành  2/ Phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm  3/ Năng lực  - NL giao tiếp, hợp tác; năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết những tình huống thực tế.  - NL sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trong việc tạo lập văn bản |
| **Kiểm tra giữa kì II** | **98-99** | 1/ Kiến thức:  - Nắm được những kiến thức cơ bản đã học  - Biết vận dụng kiến thức vào thực hành  2/ Phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm  3/ Năng lực  - NL giao tiếp, hợp tác; năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết những tình huống thực tế.  - NL sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trong việc tạo lập văn bản |
| **28** | **Đặc điểm loại hình của tiếng Việt** | **100** | 1. Kiến thức:  Nắm được thuật ngữ loại hình ngôn ngữ và đặc điểm loại hình ngôn ngữ tiếng Việt.  2. Phẩm chất: Bồi dưỡng tình yêu tiếng Việt, ý thức giữ gìn vẻ đẹp tiếng Việt  3. Năng lực:  - Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Năng lực ngôn ngữ. |
| **Người trong bao**  *(Sê-khốp)* | **101-102** | 1. Kiến thức:  Hiểu được giá trị tư tưởng của truyện ngắn Người trong bao: phê phán lối sống sống ích kỉ, hèn nhát, hủ lậu của một bộ phận trí thức Nga ở TK XIX qua hình tượng người trong bao: Bê- li- cốp.  2. Phẩm chất: Biết căm ghét và biết đấu tranh với lối sống thu mình.  3. Năng lực:  - Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Năng lực đọc – hiểu truyện ngắn Nga, năng lực ngôn ngữ. |
| **29** | **- Thao tác lập luận bình luận**  **- Luyện tập thao tác lập luận bình luận** | **103** | 1. Kiến thức: Biết cách bình luận một vấn đề chính trị, xã hội hoặc văn học  2. Phẩm chất: Có ý thức sử dụng thao tác lập luận bình luận trong giao tiếp ngôn ngữ  3. Năng lực:  - Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Năng lực ngôn ngữ. |
| **Trả bài KT giữa học kì 2** | **104** | 1/ Kiến thức: Hệ thống hoá được những kiến thức và kỹ năng viết văn nghị luận  2/ Phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm  3/ Năng lực  Tự đánh giá những ưu điểm và nhược điểm trong bài làm, đồng thời có được những định hướng cần thiết để làm tốt hơn những bài viết sau. |
| **Người cầm quyền khôi phục uy quyền *(****Trích* ***Những người khốn khổ*** của V. Huy-gô***)*** | 0 | Khuyến khích HS tự đọc |
| ***Đọc thêm*:**  **Bài thơ số 28** (Tagor) | 0 | Khuyến khích HS tự đọc |
| **Kiểm tra thường xuyên lần 3** | 105 | **1/ Kiến thức:** Biết vận dụng kết hợp kiến thức về 3 phân môn: Văn học, Tiếng Việt và Làm văn trong chương trình Ngữ văn lớp 11 học kì 2  **2/ Phẩm chất:** Trung thực, nghiêm túc trong làm bài  **3/ Năng lực:** Năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản nghị luận văn học. |
| **Về luân lí xã hội ở nước ta** *(Phan Châu Trinh****)*** | 0 | Khuyến khích HS tự đọc |
| **30** | ***Đọc thêm:***  **Tiếng mẹ đẻ – nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức** (Nguyễn An Ninh) | **106** | 1. Kiến thức:  -Hiểu và nắm được tinh thần yêu nước và mối quan tâm đặc biệt của tác giả tới vấn đề dân trí  -Thấy được sức thuyết phục của bài diễn thuyết qua đoạn trích  2. Phẩm chất: Giáo dục lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết và tôn trọng những tư tưởng tiến bộ.  3. Năng lực:  - Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Năng lực đọc hiểu tác phẩm chính luận, năng lực ngôn ngữ. |
| **Ba cống hiến vĩ đại của Các Mác** ( F. Ăng – ghen) | 0 | Khuyến khích HS tự đọc |
| **Luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận** | **107-108** | 1. Kiến thức:  -Củng cố kiến thức và kỹ năng cơ bản về các thao tác lập luận đã học.  -Vận dụng các thao tác lập luận đã học để viết được một văn bản nghị luận  2. Phẩm chất: Bồi dưỡng ý thức viết văn có sáng tạo; nhận diện, phân tích được các thao tác lập luận trong qúa trình viết văn.  3. Năng lực:  - Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Năng lực ngôn ngữ. |
| **31** | **- Phong cách ngôn ngữ chính luận**  **- Phong cách ngôn ngữ chính luận**  **(***Tiếp theo***)** | **109-110** | 1. Kiến thức: Nắm được các phương tiện diễn đạt và đặc trưng của phong cách ngôn ngữ chính luận.  2. Phẩm chất: Có ý thức viết văn bản đúng phong cách  3. Năng lực:  - Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Năng lực ngôn ngữ. |
| **Kiểm tra thường xuyên lần 4** | **111** | **1/ Kiến thức:** Biết vận dụng kết hợp kiến thức về 3 phân môn: Văn học, Tiếng Việt và Làm văn khi đọc hiểu ngữ liệu mở  **2/ Phẩm chất:** Trung thực, nghiêm túc trong làm bài  **3/ Năng lực:** Năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản nghị luận xã hội. |
| **32** | **Một thời đại trong thi ca** *(trích* ***Thi nhân Việt Nam ,*** Hoài Thanh, Hoài Chân*)* | **112-113-114** | 1. Kiến thức: Hiểu được quan niệm của Hoài Thanh về tinh thần thơ mới trong ý nghĩa văn chương và xã hội.  2. Phẩm chất: Bồi dưỡng ý thức gìn giữ và đánh giá đúng mực những giá trị mới của thơ ca dân tộc  3. Năng lực:  - Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Năng lực đọc hiểu tác phẩm chính luận, năng lực ngôn ngữ. |
| **33-34** | **-Tóm tắt văn bản nghị luận**  **- Luyện tập tóm tắt văn bản nghị luận** | **115** | 1. Kiến thức:  - Hiểu được mục đích, yêu cầu của việc tóm tắt văn bản nghị luận  - Tóm tắt được các văn bản nghị luận xã hội hoặc văn bản nghị luận văn học  2. Phẩm chất: Bồi dưỡng ý thức tự giác, chủ động, độc lập trong làm văn  3. Năng lực: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo |
| **Một số thể loại văn học: Kịch, văn nghị luận** | **116-**  **117-118** | 1. Kiến thức:  Hiểu được một số thể loại văn học kịch, nghị luận  2. Phẩm chất: Bồi dưỡng ý thức đọc hiểu- cảm thụ đúng nguyên tắc của thể loại.  3. Năng lực:  - Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Năng lực đọc hiểu văn bản kịch, nghị luận, năng lực ngôn ngữ. |
| **Ôn tập** | **119- 120** | 1. Kiến thức: Củng cố, hệ thống hoá những kiến thức cơ bản về văn học, Tiếng Việt và Làm văn  2. Phẩm chất: Bồi dưỡng ý thức tự giác, chủ động, độc lập trong học tập  3. Năng lực:  - Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo  - Năng lực đọc hiểu các thể loại văn bản, năng lực ngôn ngữ. |
| **35** | **Kiểm tra cuối học kì II** | **121-122** | 1/ Kiến thức: Đánh giá tổng hợp kiến thức về đọc hiểu; về làm văn nghị luận.  2/ Phẩm chất: Tự nhận thức, xác định được các giá trị chân chính trong cuộc sống và trong văn học mà mỗi con người cần hướng tới. Có ý thức tự học, tự rèn luyện  3/ Năng lực:  - Biết xác định đúng vấn đề nghị luận, vận dụng kết hợp các thao tác lập luận để viết bài văn nghị luận; lựa chọn cách giải quyết đúng đắn, lập luận chặt chẽ, logic để triển khai một vấn đề văn học. |
| **Trả bài cuối học kì II**  **Hướng dẫn học trong hè** | **123** | Nhận rõ những ưu, khuyết điểm của bài làm; biết đối chiếu với yêu cầu của đề văn;; từ đó củng cố thêm các kiến thức và kĩ năng làm văn nghị luận, nhất là nghị luận văn học.  - Tiếp tục rèn kĩ năng phân tích đề, lập dàn ý; thao tác lập luận phân tích trong bài nghị luận văn học.  - Biết rút kinh nghiệm về phân tích đề, lập dàn ý, thao tác phân tích trong văn nghị luận |

**HỌC KỲ 1- KHỐI 10 ( 18 tuần x3 tiết= 54 tiết)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Bài học/Chủ đề** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **1** | Tổng quan văn học  Việt Nam | 1,2,3 | **1/ Kiến thức:** Nắm được những nét khái quát về văn học Việt Nam nói chung và văn học dân gian nói riêng  **2/ Phẩm chất:** Biết yêu mến, trân trọng, giữ gìn, phát huy những giá trị của văn học dân tộc  **3/ Năng lực:**  - NL giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề...  **-** NLnhận biết thể loại**;** phân tích, khái quát các đặc trưng, đặc điểm, giá trị của VHDG và văn học dân tộc nói chung |
| Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ | **0** | **KK học sinh tự đọc** |
| Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ (tt) | **0** | **KK học sinh tự đọc** |
| **2-3-4-5** | **Kiểm tra thường xuyên lần 1** | 4 | **1/ Kiến thức:** Biết vận dụng kết hợp kiến thức về 3 phân môn: Văn học, Tiếng Việt và Làm văn khi đọc hiểu ngữ liệu mở  **2/ Phẩm chất:** Trung thực, nghiêm túc trong làm bài  **3/ Năng lực:** Năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản nghị luận xã hội. |
| Khái quát VHDG Việt Nam | 5,6.7 | 1/ Kiến thức: Nắm được những nét khái quát về văn học Việt Nam nói chung và văn học dân gian nói riêng  2/ Phẩm chất: Biết yêu mến, trân trọng, giữ gìn, phát huy những giá trị của văn học dân tộc  3/ Năng lực:  - NL giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề...  - NL nhận biết thể loại; phân tích, khái quát các đặc trưng, đặc điểm, giá trị của VHDG và văn học dân tộc nói chung |
| **Chủ đề tích hợp:**  **Văn bản tự sự dân gian**  *- Chiến thắng Mtao Mxây*(tríchsử thi*Đăm Săn)*  *- Truyện An Dương Vương và Mị Châu, Trọng Thuỷ.*  *- Tấm Cám.*  *-* Chọn sự việc, chi tiết tiêu biểu trong bài văn tự sự.  - Tóm tắt văn bản tự sự. | 8- 9  10-11  12-13  14  15 | 1/ Kiến thức: Những hiểu biết cơ bản về các thể loại văn học dân gian: sử thi, truyện cổ tích, truyền thuyết. Cách tóm tắt các tác phẩm dựa vào nhân vật chính và các chi tiết tiêu biểu  2/ Phẩm chất: Biết yêu mến, trân trọng những giá trị của truyện dân gian Việt Nam; bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp của con người như: yêu nước, trọng danh dự, hiền lành, chăm chỉ, trung thực.  3/ Năng lực  - NL đọc - hiểu tác phẩm sử thi, truyện cổ tích, truyền thuyết theo đặc trưng thể loại.  - Các NL khác: năng lực hợp tác, NL  giải quyết vấn đề, NL sáng tạo,…. |
| **6** | *- Ca dao than thân, yêu thương, tình nghĩa*  (Tìm hiểu chung về ca dao và dạy các bài ca dao 1 ,4,6)  *- Ca dao hài hước* (Dạy các bài 1,2) | 16-17  18 | 1/ Kiến thức: Những hiểu biết về các tác phẩm ca dao, truyện thơ  2/ Phẩm chất:  Yêu mến, trân trọng những giá trị của truyện thơ Việt Nam; có ý thức giữ gìn, phát huy những giá trị văn học dân tộc; bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp của con người như: cảm thông, nhân hậu, thủy chung… Sống nhân ái, nhân văn; biết đấu tranh chống lại cái ác, cái xấu, có tinh thần lạc quan, đấu tranh để vươn lên  3/ Năng lực  - NL Đọc - hiểu ca dao và truyện thơ theo đặc trư¬ng thể loại.  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, … |
| **7** | *Nhưng nó phải bằng hai mày* | *19* | 1/ Kiến thức: Những hiểu biết về truyện cười  2/ Phẩm chất:  Có tinh thần đấu tranh trước thói hư tật xấu, trước bất công xã hội.  3/ Năng lực  - NL đọc hiểu, phân tích văn bản truyên cười theo đặc trung thể loại.  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, .. |
| *Tam đại con gà* | **0** | **KK học sinh tự đọc** |
| - Ôn tập văn học dân gian Việt Nam  - Văn học địa phương: Truyện cười Thủ Thiệm | 20-21 | 1/ Kiến thức: Củng cố những kiến thức đã học về văn học dân gian, có những hiểu biết nhất định về văn học địa phương  2/ Phẩm chất:  Có tinh thần yêu nước, yêu văn hoá dân tộc, lòng nhân ái, đấu tranh chống cái ác, cái xấu...  3/ Năng lực  - Biết vận dụng kiến thức đã học để tìm hiểu các tác phẩm văn học dân gian cụ thể.  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo |
| **8** | **Kiểm tra thường xuyên lần 2** | 22 | **1/ Kiến thức:** Biết vận dụng kết hợp kiến thức về 3 phân môn: Văn học, Tiếng Việt và Làm văn trong chương trình Ngữ văn lớp 10 học kì I  **2/ Phẩm chất:** Trung thực, nghiêm túc trong làm bài  **3/ Năng lực:** Năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản nghị luận văn học. |
| Khái quát văn học Việt Nam từ thế kỉ thứ X đến hết thế kỉ XIX | 23-24 | 1/ Kiến thức:  Nhận diện một giai đoạn văn học; kỹ năng đọc hiểu, cảm nhận tác phẩm thuộc giai đoạn văn học trung đại.  2/ Phẩm chất: Có tinh thần yêu nước, yêu văn hoá dân tộc  3/ Năng lực: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, |
| **8** | Ôn tập kiểm tra giữa kỳ | 25 | 1/ Kiến thức:  - Nắm được những kiến thức cơ bản đã học  - Biết vận dụng kiến thức vào thực hành  2/ Phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm  3/ Năng lực  - NL giao tiếp, hợp tác; năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết những tình huống thực tế.  - NL sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp. |
| **Kiểm tra giữa kì I** | 26-27 | **1/ Kiến thức:**  - Nắm được những kiến thức cơ bản đã học  - Biết vận dụng kiến thức vào làm bài kiểm tra.  **2/ Phẩm chất**: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm  **3/ Năng lực**  - NL giao tiếp, hợp tác; năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết những tình huống thực tế.  - NL sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trong việc tạo lập văn bản |
| **10** | *Tỏ lòng*  (Phạm Ngũ Lão) | 28 | 1/ Kiến thức:  Những hiểu biết về các tác giả, tác phẩm văn học  2/ Phẩm chất: Giúp HS biết yêu mến, trân trọng những giá trị của thơ trữ tình trung đại Việt Nam; có ý thức giữ gìn, phát huy những giá trị văn học dân tộc; bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp của con người…  3/ Năng lực:  - Đọc hiểu, phân tích tác phẩm thơ trung đại theo đặc trưng thể lloaij.  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo. |
| *Cảnh ngày hè (Nguyễn Trãi)* | 29-30 | 1/ Kiến thức:  Những hiểu biết về các tác giả, tác phẩm văn học  2/ Phẩm chất: Giúp HS biết yêu mến, trân trọng những giá trị của thơ trữ tình trung đại Việt Nam; có ý thức giữ gìn, phát huy những giá trị văn học dân tộc; bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp của con người…  3/ Năng lực:  - Đọc hiểu, phân tích tác phẩm thơ trung đại theo đặc trưng thể loại  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, |
| **11-12-13** | *Nhàn*(Nguyễn Bỉnh Khiêm) | 31-32 | 1/ Kiến thức:  Những hiểu biết về các tác giả, tác phẩm văn học  2/ Phẩm chất: Giúp HS biết yêu mến, trân trọng những giá trị của thơ trữ tình trung đại Việt Nam; có ý thức giữ gìn, phát huy những giá trị văn học dân tộc; bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp của con người…  3/ Năng lực:  - Đọc hiểu, phân tích tác phẩm thơ trung đại theo đặc trưng thể loại. |
| *Đọc "Tiểu Thanh kí"*  (Nguyễn Du) | 33-34 | 1/ Kiến thức:  Những hiểu biết về các tác giả, tác phẩm văn học  2/ Phẩm chất: Giúp HS biết yêu mến, trân trọng những giá trị của thơ trữ tình trung đại Việt Nam; có ý thức giữ gìn, phát huy những giá trị văn học dân tộc; bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp của con người…  3/ Năng lực:  - Đọc hiểu, phân tích tác phẩm thơ trung đại theo đặc trưng thể lloaij.  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, |
| Trả bài kiểm tra giữa kì I | 35 | 1/ Kiến thức: Hệ thống hoá được những kiến thức và kỹ năng viết văn nghị luận  2/ Phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm  3/ Năng lực  Tự đánh giá những ưu điểm và nhược điểm trong bài làm, đồng thời có được những định hướng cần thiết để làm tốt hơn những bài viết sau |
| Văn bản | 36-37 | 1/ Kiến thức:  - Biết vận dụng kiến thức về giao tiếp trong đọc- hiểu và tạo lập văn bản  2/ Phẩm chất: Ý thức giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt...  3/ Năng lực  - NL giao tiếp, hợp tác;  - NL sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp. |
| - Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt  - Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt (tt). | 38 | 1/ Kiến thức: Những hiểu biết về ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết trong giao tiếp  2/ Phẩm chất:  Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt;  3/ Năng lực  - Sử dụng ngôn ngữ thích hợp với dạng nói và dạng viết trong giao tiếp  - NL tạo lập văn bản và lĩnh hội văn bản trong giao tiếp ở dạng nói và viết  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, |
| **Kiểm tra thường xuyên lần 3** | 39 | **1/ Kiến thức:** Biết vận dụng kết hợp kiến thức về 3 phân môn: Văn học, Tiếng Việt và Làm văn trong chương trình Ngữ văn lớp 10 học kì I  **2/ Phẩm chất:** Trung thực, nghiêm túc trong làm bài  **3/ Năng lực:** Năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản nghị luận văn học. |
| **14** | Đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết | 40 | 1/ Kiến thức: Những hiểu biết về ngôn ngữ nói và viết  2/ Phẩm chất:  Có ý thức sử dụng ngôn ngữ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp  3/ Năng lực  - NL đọc hiểu  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, .. |
| *Uy-lit-xơ trở về*(trích*Ô-đi-xê)* | 41-42 | 1/ Kiến thức: Những hiểu biết về sử thi nước ngoài  2/ Phẩm chất: Bồi dưỡng phẩm chất dũng cảm trước thử thách, chung thuỷ trong tình yêu  3/ Năng lực  - NL Đọc –hiểu văn bản theo đặc trung thể loại.  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, |
| **15** | *Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng* (Lí Bạch) | 43 | . 1/ Kiến thức:  Những hiểu biết về các tác giả, tác phẩm văn học  2/ Phẩm chất: Giúp HS biết yêu mến, trân trọng tình bạn; có ý thức giữ gìn, phát huy những giá trị văn học dân tộc; bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp của con người…  3/ Năng lực:  - Đọc hiểu, phân tích tác phẩm thơ trung đại theo đặc trưng thể loại.  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, |
| *Cảm xúc mùa thu* (Đỗ Phủ) | 44-45 | 1/ Kiến thức:  Những hiểu biết về các tác giả, tác phẩm thơ Đường  2/ Phẩm chất: Có ý thức xây dựng tình bạn trong sáng. Biết cảm thông trước nỗi khổ của thân phận con người  3/ Năng lực  - Đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại. Phân tích theo những đặc trưng cơ bản: cảm hứng nghệ thuật, hình ảnh, ngôn từ và giọng điệu thơ  - Hình thành các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, |
| **16** | Thực hành phép tu từ ẩn dụ và hoán dụ | 46-47 | 1/ Kiến thức: Ôn luyện, củng cố, nâng cao hiểu biết về phép tu từ ẩn dụ và hoán dụ  2/ Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm  3/ Năng lực:  - Bước đầu biết sử dụng ẩn dụ, hoán dụ trong những ngữ cảnh cần thiết.  - Hình thành các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, … |
| **Kiểm tra thường xuyên lần 4** | 48 | **1/ Kiến thức:** Biết vận dụng kết hợp kiến thức về 3 phân môn: Văn học, Tiếng Việt và Làm văn khi đọc hiểu ngữ liệu mở  **2/ Phẩm chất:** Trung thực, nghiêm túc trong làm bài  **3/ Năng lực:** Năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản nghị luận xã hội. |
| **17** | Trình bày một vấn đề | 49 | 1/ Kiến thức: Những hiểu biết cơ bản về cách thức trình bày một vấn đề  2/ Phẩm chất: Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trong quá trình trình bày vấn đề.  3/ Năng lực  Hình thành các NL: NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, |
| Lập kế họach cá nhân | 0 | **KK học sinh tự đọc** |
| *Thơ Hai-kư của Ba-sô* | 0 | **KK học sinh tự đọc** |
| Ôn tập | 50-51 | 1/ Kiến thức:  - Nắm được những kiến thức cơ bản đã học về Văn bản, Tiếng Việt, Làm văn  - Biết vận dụng kiến thức vào thực hành  2/ Phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm  3/ Năng lực  - NL giao tiếp, hợp tác; năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết những tình huống thực tế.  - NL sử dụng ngôn ngữ TV trong hoạt động giao tiếp |
| **18** | **Kiểm tra cuối HK 1** | 52- 53 | Theo kế hoạch của Sở |
| **Trả bài Kiểm tra cuối HK 1** | 54 | **Theo lịch** |

**HỌC KỲ 2- KHỐI 10 ( 17 tuần x3 tiết= 51 tiết)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Bài học/Chủ đề** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **19** | - Các hình thức kết cấu của văn bản thuyết minh | **55** | **1/ Kiến thức:** Kiến thức về văn bản thuyết minh và viết văn bản thuyết minh  **2/ Phẩm chất:** Tự tin, sáng tạo khi vận dụng văn thuyết minh vào đời sống.  **3/ Năng lực:**  - Có năng lực tạo lập văn bản thuyết minh: xây dựng kết cấu cho phù hợp với đối tượng thuyết minh, lập được dàn ý cho bài văn thuyết minh  **-** NL giao tiếp, hợp tác; năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết những tình huống thực tế.  - NL sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp. |
| Lập dàn ý bài văn thuyết minh | **0** | **KK học sinh tự đọc** |
| Tính chuẩn xác, hấp dẫn của văn bản thuyết minh | **0** | **KK học sinh tự đọc** |
| Tóm tắt văn bản thuyết minh | **0** | **KK học sinh tự đọc** |
| - Phương pháp thuyết minh  - Luyện tập viết đoạn văn thuyết minh | **56** | **1/ Kiến thức:** Kiến thức về văn bản thuyết minh và viết văn bản thuyết minh  **2/ Phẩm chất:** Tự tin, sáng tạo khi vận dụng văn thuyết minh vào đời sống.  **3/ Năng lực:**  - Có năng lực tạo lập văn bản thuyết minh  **-** NL giao tiếp, hợp tác; năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết những tình huống thực tế.  - NL sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp. |
| **Kiểm tra thường xuyên lần 1** | **57** | **1/ Kiến thức:** Biết vận dụng kết hợp kiến thức về 3 phân môn: Văn học, Tiếng Việt và Làm văn khi đọc hiểu ngữ liệu mở  **2/ Phẩm chất:** Trung thực, nghiêm túc trong làm bài  **3/ Năng lực:** Năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản nghị luận xã hội. |
| **20** | Phú sông Bạch Đằng (Trương Hán Siêu) | **58, 59, 60** | **1/ Kiến thức**: Những hiểu biết về nội dung và nghệ thuật của bài phú  **2/ Phẩm chất:** Có tình cảm yêu quí, trân trọng những tác phẩm nghệ thuật đặc biệt những bài phú thời xưa, tự hào về truyền thống lịch sử hào hùng của dân tộc; có ý thức trách nhiệm của công dân với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.  **3/ Năng lực:**  - Năng lực đọc- hiểu tác phẩm văn học theo đặc trưng thể loại  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, NL tự học… |
| **21-22** | Đại cáo bình Ngô (Nguyễn Trãi) – Tác giả và tác phẩm | **61- 62- 63-64**  **(4 tiết)** | **1/ Kiến thức:** Những hiểu biết cơ bản về tác giả Nguyễn Trãi và tác phẩm Đại cáo bình Ngô  **2/ Phẩm chất:** Biết trân quý những giá trị văn hóa truyền thống từ các tác phẩm trung đại, tự hào về độc lập chủ quyền của dân tộc, yêu quê hương, đất nước, có ý thức về trách nhiệm của công dân với cộng đồng, với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.  **3/ Năng lực:**  - Năng lực phân tích tác phẩm theo đặc trưng thể loại.  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, NL tự học… |
| Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, Thái sư Trần Thủ Độ | **0** | Khuyến khích HS tự đọc |
| Hiền tài là nguyên khí của quốc gia | **65- 66** | **1/ Kiến thức:** Những hiểu biết cơ bản về tác giả Thân Nhân Trung và văn bản  **2/ Phẩm chất:** Trân trọng người hiền tài, có ý thức về trách nhiệm với cộng đồng, với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.  **3/ Năng lực:**  - Năng lực phân tích tác phẩm theo đặc trưng thể loại.  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, NL tự học… |
|  | Đọc thêm: Tựa “Trích diễm thi tập” | **0** | Khuyến khích Hs tự đọc |
| **23** | Khái quát lịch sử Tiếng Việt | **67, 68** | **1/ Kiến thức:** Những kiến thức cơ bản về lịch sử Tiếng Việt  **2/ Phẩm chất:** Quý trọng tiếng Việt, có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, tự tin , sáng tạo khi sử dụng tiếng Việt.  **3/ Năng lực:**  **-** NL giao tiếp, hợp tác; năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết những tình huống thực tế.  - NL sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp. |
| **Kiểm tra thường xuyên lần 2** | **69** | **1/ Kiến thức:** Biết vận dụng kết hợp kiến thức về 3 phân môn: Văn học, Tiếng Việt và Làm văn trong chương trình Ngữ văn lớp 10 học kì 2  **2/ Phẩm chất:** Trung thực, nghiêm túc trong làm bài  **3/ Năng lực:** Năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản nghị luận văn học. |
| **24** | Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên (Nguyễn Dữ) | **70, 71,72** | **1/ Kiến thức**: Những hiểu biết về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩmChuyện chức Phán sự đền Tản Viên  **2/ Phẩm chất:** Bồi dưỡng những phẩm chất: yêu nước, trung thực, trách nhiệm  **3/ Năng lực:**  - Năng lực Đọc hiểu một tác phẩm tự sự trung đại, phân tích được nhân vật trong truyện truyền kì.  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, NL tự học… |
| **25** | Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ (trích – Đặng Trần Côn) | **73,74** | **1/ Kiến thức:** Cảm nhận được cái hay về mội dung và đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích  **2/ Phẩm chất:** Biết cảm thông và yêu mến, trân trọng vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ Việt Nam.  **3/ Năng lực:**  - Năng lực đọc - hiểu, tiếp cận thể loại ngâm khúc  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, NL tự học… |
| Ôn tập kiểm tra giữa kì II | **75** | Ôn tập theo ma trận của Sở |
| **26** | **Bài kiểm tra giữa kì II** | **76,77** | **1/ Kiến thức:**  - Nắm được những kiến thức cơ bản đã học  - Biết vận dụng kiến thức vào thực hành  **2/ Phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm  **3/ Năng lực**  **-** NL giao tiếp, hợp tác; năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết những tình huống thực tế.  - NL sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp. |
| Những yêu cầu về sử dụng Tiếng Việt | **78** | **1/ Kiến thức:** Những yêu cầu về sử dụng Tiếng Việt  **2/ Phẩm chất:** Quý trọng tiếng Việt, có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, tự tin , sáng tạo khi sử dụng tiếng Việt.  **3/ Năng lực:**  **-** NL giao tiếp, hợp tác; năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết những tình huống thực tế.  - NL sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp. |
| **27-28** | **Chủ đề: TRUYỆN KIỀU**  Gồm:  1. Tác giả Nguyễn Du  2. Đoạn trích: Trao duyên  3. Đoạn trích: Chí khí anh hùng  4. Thực hành các phép tu từ: Phép điệp và phép đối | **79, 80, 81,82,**  **83,84**  **(6 tiết)** | **1/ Kiến thức:** Những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các đoạn trích trong Truyện Kiều. Nhận diện và phân tích các phép điệp và phép đối trong các đoạn trích  **2/ Phẩm chất:** Biêt yêu tiếng Việt, trân trọng và tự hào về một danh nhân văn hóa và di sản văn học vô giá của dân tộc;hình thành những phẩm chất tốt đẹp: nhân ái, tôn trọng người tài  **3/ Năng lực:**  - Năng lực đọc- hiểu một đoạn thơ trữ tình. Phân tích hiệu quả nghệ thuật của hai phép tu từ trên được sử dụng trong các đoạn trích của Truyện Kiều và các tác phẩm văn học khác.  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, NL tự học… |
| Đọc thêm: Nỗi thương mình, Thề nguyền | **0** | Khuyến khích Hs tự đọc |
| **29** | Trả bài kiểm tra giữa kì II | **85** | - Đánh giá lại kỹ năng viết bài nghị luận, nhận thức rõ ưu, khuyết điểm trong bài viết, củng cố vững chắc những kiến thức và kỹ năng làm văn nghị luận  - Nhận ra và sửa chữa các lỗi cụ thể về bố cục, phương pháp và diễn đạt trong văn bản nghị luận  - Thể hiện được thái độ cầu thị. |
| Hồi trống Cổ Thành (trích Tam Quốc diễn nghĩa – La Quán Trung) | **86,87** | **1/ Kiến thức:**  Hiểu được tính cách bộc trực, ngay thẳng của Trương Phi cũng như tình nghĩa “vườn đào” cao đẹp của ba anh em kết nghĩa - một biểu hiện riêng biệt của lòng trung nghĩa.  - Cảm nhận được không khí chiến trận qua đoạn trích.  **2/ Phẩm chất:**  Trân quý những giá trị văn hóa mà Tam quốc chí đem lại  **3/ Năng lực:**  **-** Đọc - hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.  - Phân tích, rút ra được đặc điểm tính cách nhân vật. |
|  | Đọc thêm: Tào Tháo uống rượu luận anh hùng (trích Tam Quốc diễn nghĩa – La Quán Trung) | **0** | Khuyến khích Hs tự đọc |
| **30** | **Kiểm tra thường xuyên lần 3** | **88** | **1/ Kiến thức:** Biết vận dụng kết hợp kiến thức về 3 phân môn: Văn học, Tiếng Việt và Làm văn trong chương trình Ngữ văn lớp 10 học kì 2  **2/ Phẩm chất:** Trung thực, nghiêm túc trong làm bài  **3/ Năng lực:** Năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản nghị luận văn học. |
| Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật | **89,90** | **1/ Kiến thức:** Củng cố, nâng cao hiểu biết về phong cách ngôn ngữ nghệ thuật  **2/ Phẩm chất:** Tự tin , sáng tạo, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trong quá trình tạo lập văn bản nghệ thuật  **3/ Năng lực:**  - NL giao tiếp, hợp tác; năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết những tình huống thực tế.  - NL sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp, tạo lập văn bản nghệ thuật |
| **31-32-33** | Lập luận trong văn nghị luận | **91** | **1/ Kiến thức:**  - Củng cố, nâng cao hiểu biết về văn nghị luận  -Hoàn thiện các kiến thức về đoạn văn, các yêu cầu viết đoạn văn nói chung; nắm được vai trò và các yêu cầu viết đoạn văn trong bài văn nghị luận  **2/ Phẩm chất:** Tự tin, sáng tạo, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trong quá trình tạo lập văn bản nghị luận  **3/ Năng lực:**  **-** NL giao tiếp, hợp tác; năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết những tình huống thực tế.  - NL sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp qua kĩ năng tạo lập văn bản nghị luận  **-** Vận dụng những kiến thức, kĩ năng về đoạn văn, về văn nghị luận để viết được đoạn văn ngắn phù hợp với vị trí và chức năng của chúng trong bài văn nghị luận. |
| - Các thao tác nghị luận  - Luyện tập viết đoạn văn nghị luận | **92** | **1/ Kiến thức:**  Hoàn thiện các kiến thức về đoạn văn, các yêu cầu viết đoạn văn nói chung; nắm được vai trò và các yêu cầu viết đoạn văn trong bài văn nghị luận  **2/ Phẩm chất:** Tự tin, sáng tạo, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trong quá trình tạo lập văn bản nghị luận  **3/ Năng lực:**  **-** Vận dụng những kiến thức đã biết để viết đoạn văn nghị luận có sử dụng các thao tác lập luận đã học |
| Lập dàn ý bài văn nghị luận | **0** | Khuyến khích Hs tự đọc |
| Văn bản văn học | **93,94** | **1/ Kiến thức:**  - Nắm được các tiêu chí chủ yếu và cấu trúc của văn bản văn học.  - Vận dụng những hiểu biết nói trên để cảm thụ tác phẩm văn học có chiều sâu.  **2/ Phẩm chất:** Yêu văn học.  **3/ Năng lực:** Phân tích tác phẩm theo đặc trưng thể loại.  **-** NL giao tiếp, hợp tác; năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết những tình huống thực tế.  - NL sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp. |
| **Kiểm tra thường xuyên lần 4** | **95** | **1/ Kiến thức:** Biết vận dụng kết hợp kiến thức về 3 phân môn: Văn học, Tiếng Việt và Làm văn khi đọc hiểu ngữ liệu mở  **2/ Phẩm chất:** Trung thực, nghiêm túc trong làm bài  **3/ Năng lực:** Năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản nghị luận xã hội. |
| Nội dung và hình thức của văn bản văn học | **96,97** | **1/ Kiến thức:** Nắm được những khái niệm của bài học  **2/ Phẩm chất:** Yêu tiếng Việt, yêu văn học qua tiếp xúc với các văn bản thuộc phong cách NNNT  **3/ Năng lực:** Có kĩ năng phân tích, cảm thụ ngôn ngữ nghệ thuật, bước đầu biết sử dụng một số biện pháp nghệ thuật để nâng cao hiệu quả diễn đạt |
| Tổng kết phần Văn học | **98- 99** | **1/ Kiến thức:** Hệ thống hóa được những nội dung kiến thức về văn học được học trong SGK Ngữ văn lớp 10 .  **2/ Phẩm chất:**  Yêu tiếng Việt, yêu văn học, biết trân quý những giá trị văn hóa truyền thống mà văn học đem lại  **3/ Năng lực:**  Có năng lực phân tích văn học theo từng cấp độ, từ sự kiện văn học đến tác giả, tác phẩm văn học, từ ngôn ngữ đến hình tượng nghệ thuật; có kĩ năng lập bản tổng kết để hệ thống hóa kiến thức văn học. |
| **34** | Ôn tập phần Làm văn | **100** | **1/ Kiến thức:** Hệ thống hóa được những nội dung kiến thức về làm văn 10 .  **2/ Phẩm chất:**  Yêu văn học, biết trân quý những giá trị văn hóa truyền thống mà văn học đem lại  **3/ Năng lực:**  tạo lập được các kiểu văn bản đã học trong phần Làm văn. |
| Ôn tập phần Tiếng Việt | **101** | **1/ Kiến thức:**  Hệ thống hóa được những nội dung kiến thức về tiếng Việt .  **2/ Phẩm chất:**  Yêu tiếng Việt  **3/ Năng lực:**  Có năng lực phân tích, có kĩ năng lập bản tổng kết để hệ thống hóa kiến thức tiếng Việt, luyện tập thực hành để củng cố, nâng cao kiến thức. |
| Viết quảng cáo | **102** | **1/ Kiến thức:** Nắm được yêu cầu và cách viết quảng cáo  **2/ Phẩm chất:**  Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt khi thiết kế văn bản quảng cáo.  **3/ Năng lực:** Sáng tạo, biết lựa chọn hình thức quảng cáo thuyết phục |
| **35** | **Kiểm tra cuối học kỳ II** | **103-104** | Theo lịch Sở |
| Trả bài kiểm tra cuối kỳ II | **105** | **-** Biết đúc rút kinh nghiệm về kỹ năng đọc- hiểu và tạo lập văn bản. |

**2.2. Chuyên đề lựa chọn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chuyên đề** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **1-2-3** | **Thơ ca Trung đại VN**  - Tự tình II (Hồ Xuân Hương)  - Câu cá mùa thu (Nguyễn Khuyến)  - Thương vợ (Trần Tế Xương)  - Thao tác lập luận phân tích  - Luyện tập thao tác lập luận phân tích  - Phân tích đề, lập dàn ý bài văn nghị luận | **9** | **1/ Kiến thức:** Nhận ra được nội dung cảm xúc, ý nghĩa, tâm trạng của nhân vật trữ tình, phát hiện được các hình ảnh, chi tiết nghệ thuật của bài thơ; Thấy được tài năng nghệ thuật của mỗi nhà thơ. Phân tích được đề văn nghị luận, biết sử dụng thao tác lập luận phân tích khi viết văn nghị luận  **2/ Phẩm chất:** Chăm chỉ, trách nhiệm. Biết trân trọng tài năng, vẻ đẹp tâm hồn, bản lĩnh của nhà thơ. Có ý chí, nghị lực trong cuộc sống; có lòng yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước;  **3/ Năng lực:**  - Biết đọc hiểu một văn bản thơ trung đại theo đặc trưng thể loại:  - Có ý thức và thói quen phân tích đề và lập dàn ý trước khi làm bài  **-** NL giao tiếp, hợp tác; năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết những tình huống thực tế. |
| **3-4-5** | **Văn bản tự sự dân gian**  *- Chiến thắng Mtao Mxây*(tríchsử thi*Đăm Săn)*  *- Truyện An Dương Vương và Mị Châu, Trọng Thuỷ.*  *- Tấm Cám.*  *-* Chọn sự việc, chi tiết tiêu biểu trong bài văn tự sự.  - Tóm tắt văn bản tự sự. | **8** | 1/ Kiến thức: Những hiểu biết cơ bản về các thể loại văn học dân gian: sử thi, truyện cổ tích, truyền thuyết. Cách tóm tắt các tác phẩm dựa vào nhân vật chính và các chi tiết tiêu biểu  2/ Phẩm chất: Biết yêu mến, trân trọng những giá trị của truyện dân gian Việt Nam; bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp của con người như: yêu nước, trọng danh dự, hiền lành, chăm chỉ, trung thực.  3/ Năng lực  - NL đọc - hiểu tác phẩm sử thi, truyện cổ tích, truyền thuyết theo đặc trưng thể loại.  - Các NL khác: năng lực hợp tác, NL  giải quyết vấn đề, NL sáng tạo,…. |
| **11-12-13** | KÍ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI  1. Người lái đò sông Đà (Nguyễn Tuân)  2.Ai đã đặt tên cho dòng sông? (Hoàng Phủ Ngọc Tường)  3.Luyện tập vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt  4.Luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận | **9** | **1/ Kiến thức:**  - Nhận biết được đặc trưng của kí hiện đại như: yếu tố tự sự, nhân vật, ngôn ngữ, điểm nhìn trần thuật, cái tôi trữ tình của tác giả ...  - Nhận biết và đánh giá được tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.  - Rút ra được những nét độc đáo trong phong cách nghệ thuật của hai tác giả.  - Phân tích được ý nghĩa, tác động của văn bản kí trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn đối với con người lao động, thiên nhiên đất nước.  - So sánh được hai văn bản văn học viết cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn văn bản được đọc  2/ Phẩm chất: Yêu thiên nhiên, yêu đất nước, nhân ái  **3/ Năng lực:** Vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt và các thao tác lập luận để viết bài văn NLVH về một đoạn trích, một tác phẩm kí |
| **13-14** | **PHONG CÁCH NGÔN NGỮ BÁO CHÍ**  - Phong cách ngôn ngữ báo chí  - Bản tin  - Luyện tập viết bản tin  - Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn  - Luyện tập phỏng vấn và trả lời phỏng vấn | **5** | **1/ Kiến thức:**  - Nắm được khái niệm, đặc trưng ngôn ngữ báo chí và phong cách ngôn ngữ báo chí. Phân biệt được ngôn ngữ báo chí với ngôn ngữ ở văn bản khác được tăng tải trên báo.  - Nắm được yêu cầu về nội dung, hình thức của bản tin và cách viết bản tin; Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn  **2/ Phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, nhân ái…  **3/ Năng lực:**  - Có kĩ năng nhận diện/ thực hành, biết khai thác nguồn thông tin để tạo lập văn bản theo PPNNBC, thực hiện phỏng vấn và trả lời phỏng vấn  - Có ý thức vận dụng kiến thức bài học để tạo lập văn bản và giao tiếp |
| **22-23** | **VĂN XUÔI YÊU NƯỚC THỜI KÌ CHỐNG MỸ**  1) Rừng xà nu  (Nguyễn Trung Thành)  2) Những đứa con trong gia đình (Nguyễn Thi)  3) Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi | **6** | 1.Kiến thức  - Tình cảnh sống thê thảm của người nông dân trong nạn đói 1945 và niềm khao khát hạnh phúc gia đình, niềm tin vào cuộc sống, tình yêu thương đùm bọc giữa những con người nghèo khổ ngay trên bờ vực của cái chết.  - Xây dựng truyện độc đáo, nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, nghệ thuạt miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc.  2/Phẩm chất: biết nhường nhịn, vị tha; biết xúc động trước những con người và việc làm tốt, giữ được mối quan hệ hài hoà với người khác; biết cảm  thông, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, tình yêu thương đối với những người xung quanh cũng như đối với các nhân vật trong tác phẩm; tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh và văn hoá, biết tha thứ, độ lượng với người khác.  3/ Năng lực: giải quyết vấn đề và sáng tạo ; sử dụng CNTT, năng lực đọc hiểu, cảm thụ, sử dụng ngôn ngữ |
| **27-28** | **TRUYỆN KIỀU**  1. Tác giả Nguyễn Du  2. Đoạn trích: Trao duyên  3. Đoạn trích: Chí khí anh hùng  4. Thực hành các phép tu từ: Phép điệp và phép đối | **6** | **1/ Kiến thức:** Những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các đoạn trích trong Truyện Kiều. Nhận diện và phân tích các phép điệp và phép đối trong các đoạn trích  **2/ Phẩm chất:** Biêt yêu tiếng Việt, trân trọng và tự hào về một danh nhân văn hóa và di sản văn học vô giá của dân tộc;hình thành những phẩm chất tốt đẹp: nhân ái, tôn trọng người tài  **3/ Năng lực:**  - Năng lực đọc- hiểu một đoạn thơ trữ tình. Phân tích hiệu quả nghệ thuật của hai phép tu từ trên được sử dụng trong các đoạn trích của Truyện Kiều và các tác phẩm văn học khác.  - Các NL khác: NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, NL tự học… |

**2.3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| Giữa Học kỳ 1 | 90 phút | Tuần 8/10/10 | Biết vận dụng những kiến thức đã học để làm tốt bài Đọc hiểu và nghị luận văn hoc theo yêu cầu đề ra  Rèn kỹ năng ngôn ngữ, tạo lập văn bản | Tự luận (Viết trên giấy) |
| Cuối Học kỳ 1 | 90 phút | Theo lịch Sở | Tự luận (Viết trên giấy) |
| Giữa Học kỳ 2 | 90 phút | Tuần 26/27/27 | Tự luận (Viết trên giấy) |
| Cuối Học kỳ 2 | 90 phút | Theo lịch Sở | Tự luận(Viết trên giấy) |

**3. Các nội dung khác:**

**3.1. Bồi dưỡng Học sinh giỏi:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên GV bồi dưỡng** | **Môn, khối** | Số tiết | **Thời gian bắt đầu BD** | **Ghi chú** |
| **1** | Trần Hoàng Thanh Giang + Phạm Thị Hoàng | Ngữ văn 12 | 70 | Tuần thứ 2 của tháng 9/2021 |  |
| **2** | Lê Thị Nguyên Hà + Nguyễn Thị Thanh Thảo | Ngữ văn 11 | 70 | Tuần thứ 2 của tháng 9/2021 |  |
| **3** | Nguyễn Thị Thanh Thúy + Phạm Thị Thu Hà | Ngữ văn 10 | 70 | Tuần thứ 2 của tháng 9/2021 |  |

**3.2. Kiểm tra nội bộ:**

**\* Kiểm tra toàn diện:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Thời gian** | **Thanh tra hồ sơ chuyên môn** | **Thanh tra công tác giảng dạy** | **Ghi chú** |
| 1. Trần Hoàng Thanh Giang | Tháng 11- 2021 | 1. Kế hoạch giáo dục môn học  2. Kế hoạch bài dạy  3. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh | Dự giờ 2 tiết/1 giáo viên |  |
| 2. Nguyễn Thị Thanh Thúy | Tháng 3- 2022 | Dự giờ 2 tiết/1 giáo viên |  |

**\* Kiểm tra chuyên đề:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Giáo viên được kiểm tra** | **Thời gian** | **Nội dung kiểm tra** | **Ghi chú** |
| 1 | Nguyễn Thị Thanh Thảo | Tháng 10/2021 | Kiểm tra Kế hoạch bài dạy khối 11 |  |
| 2 | Trần Hoàng Thanh Giang | Tháng 11/2021 | Kiểm tra toàn bộ hồ sơ sổ sách |  |
| 3 | Phạm Thị Thu Hà | Tháng 12/2021 | Kiểm tra Kế hoạch bài dạy khối 10 |  |
| 4 | Châu Đức Uyên | Tháng 1/2021 | Kiểm tra Kế hoạch bài dạy khối 10 |  |
| 5 | Nguyễn Thị Thanh Thúy | Tháng 3- 2022 | Kiểm tra toàn bộ hồ sơ sổ sách |  |
| 6 | Lê Thị Nguyên Hà | Tháng 4/2022 | Kiểm tra Kế hoạch bài dạy khối 12 |  |
| 7 | Phạm Thị Hoàng | Tháng 4/2022 | Kiểm tra hồ sơ sổ sách tổ chuyên môn |  |

**3.3. Dạy học theo chuyên đề**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên chuyên đề** | **Số tiết** | **Người viết** | **Người dạy minh họa** | **Thời gian thực hiện** | **Ghi chú** |
| **Chuyên đề 1:** | Thơ trữ tình trung đại ( *Tự tình, Câu cá mùa thu, Thương vợ*) tích hợp TLV - *Ngữ văn 11* | **9** | Nguyễn Thị Thanh Thảo | Lê Thị Nguyên Hà  Phạm Thị Thu Hà | Tháng 9 /2021 |  |
| **Chuyên đề 2:** | Truyện dân gian Việt Nam tích hợp TLV  *- Ngữ văn 10* | **8** | Phạm Thị Thu Hà | Châu Đức Uyên  Nguyễn Thị Thanh Thúy | Tháng 10/ 2021 |  |
| **Chuyên đề 3:** | Kí Việt Nam hiện đại  ( *Người lái đò sông Đà, Ai đã đặt tên cho dòng sông)* tích hợp TLV *- Ngữ văn 12* | **9** | Phạm Thị Hoàng | Trần Hoàng Thanh Giang | Tháng 12/2021 |  |
| **Chuyên đề 4:** | Phong cách ngôn ngữ báo chí *- Ngữ văn 11* | **5** | Lê Thị Nguyên Hà | Nguyễn Thị Thanh Thảo | Tháng 1/2022 |  |
| **Chuyên đề 5:** | Truyện ngắn hiện đại thời kì chống Mỹ  ( *Rừng xà nu, Những đứa con trong gia đình)* tích hợp TLV *- Ngữ văn 12* | **6** | Trần Hoàng Thanh Giang | Phạm Thị Hoàng | Tháng 2 /2022 |  |
| **Chuyên đề 6:** | Truyện Kiều tích hợp Tiếng Việt *- Ngữ văn 10* | **6** | Nguyễn Thị Thanh Thúy | Châu Đức Uyên | Tháng 3/2022 |  |

**3.4. Thi giáo viên dạy giỏi cấp trường**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự** | **Họ và tên giáo viên dự thi** | **Thời gian dự thi** | **Ghi chú** |
| 1 | Châu Đức Uyên | Từ 15/10/2021 -25/10/2021 ( Theo kế hoạch của trường) |  |

**3.5. Thi thiết kế bài dạy Elearning theo kế hoạch của Sở:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự** | **Họ và tên giáo viên dự thi** | **Thời gian dự thi** | **Ghi chú** |
| 1 | Lê Thị Nguyên Hà | Theo kế hoạch của Sở |  |
| 2 | Nguyễn Thị Thanh Thảo | Theo kế hoạch của Sở |  |

**II. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN (Năm học 2021- 2022)**

**Khối lớp: 10,11,12; Số học sinh: toàn trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số tiết** | **Thời điểm** | **Địa điểm** | **Chủ trì** | **Phối hợp** | **Điều kiện thực hiện** |
| 1 | Ngoại khóa Văn học- Học văn | **1/ Kiến thức:** Những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm/ đoạn trích đã học  **2/ Phẩm chất:** Biêt yêu tiếng Việt, hình thành những phẩm chất tốt đẹp: nhân ái, yêu nước…  **3/ Năng lực:**  NL hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, NL tự học, Nl ngôn ngữ… | 40 | Tuần thứ 2 tháng 12/2021 | Sân trường / Nhà đa năng | Tổ Ngữ văn | Đoàn thanh niên | Âm thanh, ánh sáng  Trang phục  Trang trí sân khấu… |

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  **Phạm Thị Hoàng** | *Tam Kỳ, ngày 04 tháng 10 năm 2021*  *KT* **HIỆU TRƯỞNG**  **P.HIỆU TRƯỞNG**  **PHẠM HUNG** |